

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
KHOA NGHỆ THUẬT**

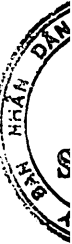
**MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH: THANH NHẠC
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7210205**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, 10/2020

MỤC LỤC

	Trang
1	Giới thiệu chương trình đào tạo..... 3
2	Thông tin chung về chương trình đào tạo..... 3
3	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn..... 3
4	Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa..... 5
5	Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)..... 5
6	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)..... 6
7	Cơ hội việc làm, học tập và nâng cao trình độ sau tốt nghiệp..... 8
8	Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp..... 8
9	Chiến lược và phương pháp dạy học..... 9
10	Phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá..... 12
11	Hệ thống tính điểm..... 21
12	Cấu trúc chương trình dạy học..... 21
13	Danh sách các học phần..... 22
14	Ma trận đáp ứng của các học phần với chuẩn đầu ra..... 25
15	Kế hoạch dạy học..... 27
16	Mô tả các học phần..... 29



1. Giới thiệu chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Thanh nhạc

Chương trình được xây dựng dựa trên chương trình khung ngành Thanh Nhạc do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2008, được bổ sung một số học phần nhằm đào tạo cử nhân Đại học Thanh nhạc có kiến thức cơ bản về âm nhạc và kiến thức chuyên sâu biểu diễn Thanh nhạc, có năng lực thực hành nghiệp vụ chuyên môn, tham gia biểu diễn và tổ chức dàn dựng các chương trình âm nhạc chuyên nghiệp cũng như các sinh hoạt âm nhạc cộng đồng khác. Chương trình được xây dựng với nội dung cung cấp kiến thức và kỹ năng đủ để người học có thể tham gia công tác giảng dạy âm nhạc ở bậc Trung học, Cao đẳng âm nhạc, tham gia công tác nghiên cứu âm nhạc. Chương trình đảm bảo người học có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp đối với đời sống xã hội hiện nay, hội nhập với thế giới và góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. Thông tin chung về CTĐT ngành Thanh nhạc

Bảng 1. Thông tin chung về CTĐT ngành Thanh nhạc

1	Tên gọi	Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc
2	Bậc	Đại học, Bậc 6/8
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Chính quy
5	Thời gian	4,0 năm
6	Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy	132 tín chỉ
7	Khoa quản lý	Nghệ thuật
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9	Website	
10	Ban hành	Theo Quyết định số 2058/QĐ-ĐHSG ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn

3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn

A. Rèn đức

Việc rèn đạo đức cho thế hệ trẻ trong đó có người học được đào tạo tại trường Đại học Sài Gòn là vấn đề mà Nhà trường luôn quan tâm, giúp bản thân người học nhận ra giá trị đích thực của cuộc sống. Rèn đức – được hiểu là luôn có khát vọng hành động vì lợi ích của mọi người. Rèn luyện đức với cái tâm trong sáng, với lòng nhiệt thành kết hợp và chỉ dẫn bởi cái tài, bởi năng lực thông tuệ.

B. Luyện tài

Trong thời đại ngày nay, sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước đòi hỏi những

con người, những thế hệ trẻ phát huy tài năng trên tất cả các lĩnh vực, trở thành những con người có tri thức và phẩm chất đạo đức cao đẹp. Do vậy, việc luyện tài thông qua việc học trên lớp, học từ môi trường xung quanh và tự học phải luôn được đẩy mạnh và khơi dậy tinh thần hăng say miệt mài học tập với động cơ và thái độ đúng đắn, với tinh thần kiên trì và tích cực nhất để có được tay nghề cao trong công việc của mình để vươn lên làm chủ khoa học, làm chủ công nghệ là một phần trách nhiệm của ngành giáo dục nói riêng và xã hội nói chung.

C. Vững bước

Đó là sự phát triển bền vững có thể đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan không những ở thời điểm hiện tại mà còn trong tương lai, gắn với nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội. Phát triển bền vững liên quan đến sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong việc đào tạo người học có năng lực, phẩm chất cần thiết trong quá trình học tập, làm việc trước và sau khi tốt nghiệp.

D. Hội nhập

Giáo dục người học có khả năng tiếp nhận kiến thức mới, tinh hoa văn hóa trên thế giới nhằm thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ quốc gia. Sinh viên trường Đại học Sài Gòn phải được đào tạo theo xu hướng hội nhập quốc tế là khả năng học tập và làm việc theo xu thế của lực lượng lao động hiện nay và được đánh giá theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

Triết lý giáo dục trên đây của Trường Đại học Sài Gòn được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Thanh nhạc thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Thanh nhạc

CTĐT ngành Thanh nhạc		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn			
		A	B	C	D
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh	X	X	X	X
	Kiến thức Ngoại ngữ		X	X	X
	Kiến thức Lý luận chính trị	X	X	X	X
	Kiến thức giáo dục đại cương khác	X	X	X	X
Khối kiến thức giáo dục	Kiến thức cơ sở của ngành	X	X	X	X
	Kiến thức ngành	X	X	X	X

chuyên nghiệp	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	X	X	X	X
----------------------	---------------------------------	---	---	---	---

4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Nghệ thuật

4.1. Tầm nhìn

Trở thành đơn vị đào tạo các chuyên ngành Nghệ thuật và Sư phạm Nghệ thuật hàng đầu của thành phố Hồ Chí Minh và cả nước; nơi tổ chức đào tạo và tham gia các hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu thuộc các lĩnh vực Mỹ thuật và Âm nhạc của thành phố Hồ Chí Minh, nhằm góp phần định hướng, giáo dục nghệ thuật và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

4.2. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng các chuyên ngành Nghệ thuật và Sư phạm Nghệ thuật; tổ chức đào tạo và tham gia các hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu... thuộc các lĩnh vực mỹ thuật và âm nhạc của thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

5. Mục tiêu của CTĐT (POs) ngành Thanh nhạc

5.1. Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học nhằm đào tạo cử nhân Thanh nhạc có kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo; nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng đủ để người học có thể tham gia công tác giảng dạy âm nhạc ở bậc Trung học, Cao đẳng âm nhạc; đủ khả năng tham gia công tác nghiên cứu âm nhạc và tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở những bậc học sau Đại học.

5.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể

- Về kiến thức:

PO1: Trang bị cho người học những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức về ngoại ngữ, tin học âm nhạc và hệ thống kiến thức âm nhạc như ký xướng âm, hòa âm, hình thức và thể loại âm nhạc, phân tích tác phẩm... ở trình độ đại học âm nhạc.

PO2: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc ở trình độ đại học

- Về kỹ năng:

PO3: kỹ năng biểu diễn thanh nhạc ở trình độ đại học, có khả năng hát đơn ca, hát bè hoặc là thành viên trong các hợp xướng

PO4: kỹ năng sử dụng đàn piano ở trình độ phổ thông trong luyện thanh và đệm hát đơn giản;

PO5: kỹ năng tư vấn, dàn dựng, tổ chức các chương trình biểu diễn âm nhạc.

PO6: kỹ năng ngoại ngữ và tin học âm nhạc

PO7: những kỹ năng về công tác nghiên cứu âm nhạc;

PO8: kỹ năng sư phạm thanh nhạc và một số phương pháp học tập các học phần thuộc chuyên ngành âm nhạc.

- Về thái độ:

PO9: Có đạo đức và nếp sống lành mạnh; nắm vững chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật.

PO10: Say mê nghề nghiệp, luôn trau dồi chuyên môn, văn hóa, đạo đức, góp phần vào đời sống âm nhạc xã hội và xây dựng nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

6. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) ngành Thanh nhạc

Tốt nghiệp trình độ đại học ngành Thanh nhạc, người học đạt các chuẩn dưới đây:

1, Thực hiện hoàn thiện được một chương trình báo cáo vào học kỳ cuối để tốt nghiệp với thời lượng từ 35 - 40 phút, có nội dung từ 6-8 tác phẩm thanh nhạc ở các thể loại: étude, romance, aria, ca khúc nghệ thuật Việt Nam, dân ca Việt Nam hoặc các thể loại âm nhạc giải trí, nhạc nhẹ,... với các yêu cầu kỹ thuật thanh nhạc và thể hiện hình tượng âm nhạc ở trình độ Đại học.

2, Hiểu và vận dụng được những kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật, văn hóa Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp biểu diễn thanh nhạc, giảng dạy âm nhạc hoặc các hoạt động tổ chức chương trình biểu diễn âm nhạc;

3, Hiểu và vận dụng được kỹ năng ngoại ngữ trong thể hiện những bài hát nước ngoài, nghiên cứu tài liệu âm nhạc và giao tiếp cơ bản.

4, Hiểu, vận dụng được những kiến thức âm nhạc như ký xướng âm, hòa âm, hình thức và thể loại âm nhạc, phân tích tác phẩm... trong thực hành biểu diễn và dạy học Thanh nhạc;

5, Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên ngành âm nhạc để phân tích nội dung, hình thức các tác phẩm thanh nhạc Việt Nam và thế giới

6, Hiểu, vận dụng và có khả năng sử dụng đàn piano ở trình độ phổ thông trong luyện thanh và đệm hát đơn giản;

7, Hiểu và vận dụng được những kiến thức và kỹ năng của các học phần kỹ thuật diễn viên, múa trong thực hiện các tiết mục của chương trình biểu diễn, của hoạt động nghề nghiệp;

8, Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành âm nhạc, kỹ năng thanh nhạc và sự phạm chuyên ngành để dạy học trong lĩnh vực âm nhạc

9, Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành âm nhạc, những kiến thức khoa học xã hội và nhân văn trong nghiên cứu âm nhạc;

10, Hiểu và vận dụng được những kiến thức giáo dục quân sự và giáo dục thể chất để tự rèn luyện nâng cao sức khỏe, đủ sức khỏe thực hiện được những yêu cầu của nghệ thuật thanh nhạc và hoạt động nghề nghiệp.

Quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với mục tiêu (POs) của CTĐT ngành Thanh nhạc thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT ngành Thanh nhạc

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT (POs)									
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO 10
1	X	X	X	X	X	X		X	X	X
2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	X	X	X		X	X	X	X	X	X
4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	X	X	X	X		X	X	X	X	X
6	X	X	X	X		X	X	X	X	X
7	X	X	X		X			X	X	X
8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	X	X	X		X	X	X	X	X	X
10	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

7. Cơ hội việc làm và học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp ngành Thanh nhạc

7.1. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Diễn viên đơn ca, hát bè hoặc là thành viên trong các hợp xướng của các nhà hát, đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; đài phát thanh, truyền hình; các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa nghệ thuật...

- Ca sĩ hoạt động độc lập, có thể tham gia các cuộc thi thanh nhạc chuyên nghiệp trong và ngoài nước, các cuộc liên hoan văn nghệ ở các đơn vị, cơ sở...

- Giảng viên các lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo tại các trường trung cấp, Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật, các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa nghệ thuật, các trung tâm đào tạo âm nhạc, các trường phổ thông trong khu vực và cả nước;

- Có khả năng làm việc (nghiên cứu viên) tại các viện, trung tâm nghiên cứu âm nhạc, nghệ thuật, văn hóa;

- Làm việc tại các tổ chức tư vấn và tổ chức dàn dựng các chương trình nghệ thuật tại các sở, ban ngành văn hóa – nghệ thuật ở các địa phương.

7.2. Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Tiếp tục tham gia học bậc Cao học các chuyên ngành biểu diễn Thanh nhạc hoặc Phương pháp giảng dạy chuyên ngành Thanh nhạc tại các học viện âm nhạc, nhạc viện trong và ngoài nước.

8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp của ngành Thanh nhạc

8.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Thanh nhạc chấp nhận người học đáp ứng những điều kiện dưới đây:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Các quy định tuyển sinh trình độ Đại học hàng năm của Bộ Giáo dục - Đào tạo và trường Đại học Sài Gòn;

- Là người có năng khiếu âm nhạc, có giọng hát tốt, không mắc bệnh mãn tính về tai mũi họng, có ngoại hình phù hợp với ngành nghệ thuật âm nhạc.

8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT ngành Thanh nhạc được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, thực hiện tuân theo Luật Giáo dục đại học, các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Sài Gòn; thời gian đào tạo trong 04 năm, mỗi năm học gồm 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (được tính gộp vào học kỳ chính kế trước).

8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành chương trình

Giáo dục thể chất, đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

9. Chiến lược và phương pháp dạy học của CTĐT ngành Thanh nhạc

CTĐT ngành Thanh nhạc sử dụng các chiến lược và phương pháp dạy học dưới đây:

9.1. Dạy học trực tiếp

Đây là chiến lược dạy học cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe, thường được áp dụng ở các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt những thông tin cơ bản hay giải thích một kỹ năng mới. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc thường dùng các phương pháp như *Giải thích cụ thể* (Explicit Teaching), *Thuyết giảng* (Lecture) và dự khán các Recital, các chương trình biểu diễn chuyên nghiệp.

1, Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng.

2, Thuyết giảng: giảng viên thuyết giảng để trình bày và giải thích nội dung bài học, người học nghe giảng để tiếp nhận, tích lũy và thỉnh thoảng ghi chú để lưu giữ kiến thức.

3, Dự khán: người học được tiếp cận với những chương trình âm nhạc, các chương trình biểu diễn chuyên nghiệp thực tế để qua đó hiểu biết, có kinh nghiệm, giúp người học hình thành kiến thức tổng quan và cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

9.2. Dạy học gián tiếp

Đây là chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, tìm kiếm và sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc thường dùng các phương pháp như *Câu hỏi gợi mở* (Inquiry), *Giải quyết vấn đề* (Problem Solving), *Học theo tình huống* (Case Study).

4, Câu hỏi gợi mở: giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở vấn đề, hướng dẫn người học từng bước trả lời nhằm làm rõ và giải quyết vấn đề; bên cạnh đó, người học còn tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề.

5, *Giải quyết vấn đề*: người học tiếp nhận và đạt được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của môn học khi đối mặt với việc làm sáng tỏ và tìm giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

6, *Học theo tình huống*: giảng viên nêu trường hợp hoạt động nghề nghiệp cụ thể như tổ chức, dàn dựng chương trình biểu diễn, tham gia biểu diễn một số tiết mục, thực hiện một recital... (tình huống đang xảy ra trong thực tế) và yêu cầu người học (thường theo nhóm) tìm cách xử lý, thực hiện. Qua đó người học từng bước hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp biểu diễn, giảng dạy và nghiên cứu.

9.3. Dạy học trải nghiệm

Đây là chiến lược dạy học mà người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu. Áp dụng cho chiến lược dạy học này, thường có các phương pháp như *Mô hình* (Models), *Thực tập, thực tế* (Field Trip), *Thí nghiệm* (Experiment), thực hành âm nhạc (performance in music) và *Nhóm nghiên cứu giảng dạy* (Teaching Research Team).

7, *Mô hình*: người học quan sát, tìm hiểu quá trình tự mình tổ chức, xây dựng hay tự thiết kế một chương trình biểu diễn, tổ chức, dàn dựng chương trình biểu diễn, tham gia biểu diễn một số tiết mục, thực hiện một recital... (mô hình) theo yêu cầu của giảng viên nhằm tiếp nhận nội dung kiến thức và kỹ năng đặt ra.

8, *Thực tập, thực tế*: hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong lĩnh vực ngành, nghề được đào tạo, góp phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

9, *Thực hành âm nhạc*: giảng viên thực hiện, thị phạm tác phẩm, các kỹ thuật thanh nhạc (hoặc nhạc cụ piano, guitar); người học quan sát và thực hành các kỹ thuật hoặc tác phẩm âm nhạc đó theo hướng dẫn của giảng viên nhằm hướng tới mục tiêu kiến thức, kỹ năng của môn học.

10, *Nhóm nghiên cứu - giảng dạy*: người học được tham gia vào các dự án của nhóm nghiên cứu - giảng dạy, tham gia các chương trình biểu diễn... của giảng viên, của Khoa và Nhà trường, nhằm hình thành các năng lực nghiên cứu sáng tạo, học tập kinh nghiệm trong thực tế biểu diễn chuyên nghiệp, tạo điều kiện chuyển tiếp lên bậc học cao hơn.

9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kỹ năng xã hội, tư duy phân biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc thường dùng các phương pháp như *Tranh luận* (Debate), *Thảo luận* (Discussions), *Học nhóm* (Peer Learning).

11, Tranh luận: giảng viên nêu vấn đề của bài học, người học tranh luận với nhau; mỗi người học phân tích, lý giải và thuyết phục người khác ủng hộ quan điểm của mình, qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phân biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

12, Thảo luận: người học được chia thành các nhóm để bàn luận, trao đổi, bổ sung và thống nhất quan điểm với nhau về vấn đề được giảng viên đặt ra; khác với tranh luận, trong thảo luận, người học có cùng quan điểm và mục tiêu chung thường tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

13, Học nhóm: người học được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề của bài học và trình bày kết quả hoạt động của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình với sự đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác và giảng viên.

9.5. Tự học

Đây là chiến lược quan trọng trong nghề nghiệp, người học tiến hành hoạt động học tập, rèn luyện kỹ thuật Thanh nhạc, kỹ năng biểu diễn của mình với những hướng dẫn của giảng viên hoặc một số gợi ý hướng dẫn của giảng viên. Qua đó, người học có thể tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp. Áp dụng cho chiến lược này trong CTĐT ngành Thanh nhạc thường dùng phương pháp *Bài tập, luyện tập ở nhà* (Work Assignment)

14, Bài tập ở nhà: người học được giảng viên giao bài tập hoặc tác phẩm để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học.

Các chiến lược và phương pháp dạy học trên đây giúp người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh nhạc thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Quan hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành ...

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Dạy học trực tiếp										
1, Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2, Thuyết giảng	X	X	X		X			X	X	
3, Dự khán	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học gián tiếp										
4, Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X		X	X	X	
5, Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6, Học theo tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học trải nghiệm										
7, Mô hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8, Thực tập, thực tế	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9, Thực hành (âm nhạc) có hướng dẫn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10, Nhóm tổ chức biểu diễn, nghiên cứu, giảng dạy...	X	X			X	X	X			X
Dạy học tương tác										
11, Tranh luận		X			X			X	X	
12, Thảo luận	X	X			X			X	X	
13, Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học										
14, Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá của CTĐT ngành Thanh nhạc

10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong quá trình dạy học, theo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, có tính phân hóa, thường xuyên và định kỳ.

Chính sách và tiêu chí đánh giá được Khoa Nghệ thuật thiết kế và công bố từ đầu mỗi khóa học. Thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý; từ đó kịp thời có những điều chỉnh về hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Nghệ thuật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung

cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Thanh nhạc được chia thành 2 nhóm chính: Đánh giá tiến trình (On-going/ Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment).

10.1.1. Đánh giá theo tiến trình

Đánh giá theo tiến trình nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các phương pháp đánh giá cụ thể của nhóm này gồm: *Đánh giá chuyên cần* (Attendance Check), *Đánh giá bài tập* (Work Assignment) và *Đánh giá thuyết trình* (Oral Presentation).

1, Đánh giá chuyên cần

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay thực hành kỹ năng biểu diễn thanh nhạc.

2, Đánh giá bài tập

Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí trong Rubric 3.

3, Đánh giá qua chương trình, tiết mục biểu diễn

Ở một số học phần trong CTĐT ngành Thanh nhạc, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và tham gia chương trình, tiết mục biểu diễn để thể hiện kết quả làm việc của bản thân, của nhóm mình. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức và thể hiện kỹ năng chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học cần sử dụng các tiêu chí đánh giá trong Rubric 4.

10.1.2. Đánh giá tổng kết/ định kỳ

Đánh giá tổng kết/ định kỳ nhằm đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa kỳ học và

đánh giá cuối kỳ học. Các phương pháp đánh giá cụ thể của nhóm này gồm có: *Kiểm tra viết* (Written Exam), *Kiểm tra trắc nghiệm* (Multiple choice Exam), *Bảo vệ và thi vấn đáp* (Oral Exam), *Đánh giá chương trình, tiết mục biểu diễn báo cáo* (music performances, recital), *Đánh giá thuyết trình* (Oral Presentation), *Đánh giá làm việc nhóm* (Teamwork Assesment)

4, Đánh giá kiểm tra viết

Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay trình bày ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá theo thang điểm 10 với đáp án đã được thiết kế. Số lượng câu hỏi cho bài kiểm tra viết tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.

5, Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.

6, Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp

Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.

7, Đánh giá *chương trình, tiết mục biểu diễn báo cáo* (music performances, recital)

Người học được đánh giá thông qua chương trình biểu diễn báo cáo, kết thúc học phần của họ. Nội dung đánh giá bao gồm: nội dung và cách thức trình bày, kỹ thuật thanh nhạc và cảm xúc âm nhạc, thể hiện hình tượng âm nhạc được thể hiện trong các tiết mục thanh nhạc của tiết mục hoặc chương trình báo cáo. Phương pháp đánh giá này cũng dành cho các học phần Piano Thở thông. Thang đánh giá dựa trên thời lượng của chương trình, số lượng tác phẩm, độ phức tạp của kỹ thuật thanh nhạc và theo thang điểm 10

8, Đánh giá thuyết trình

Giống hoàn toàn với đánh giá thuyết trình trong nhóm đánh giá theo tiến trình. Đánh giá thuyết trình cũng được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, cuối khóa) và tiêu chí đánh giá cũng theo Rubric 4.

9, Đánh giá làm việc nhóm

Đây là phương pháp được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và chủ yếu dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học. Tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này theo Rubric 7.

Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh nhạc thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Thanh nhạc

Phương pháp đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đánh giá tiến trình										
1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình			X	X	X			X	X	
II	Đánh giá tổng kết/ định kỳ										
4	Đánh giá kiểm tra viết		X	X	X	X			X	X	X
5	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm		X	X	X	X			X	X	X
6	Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp		X	X	X	X			X	X	
7	Đánh giá báo cáo chương trình, tiết mục biểu diễn	X					X	X	X	X	
8	Đánh giá thuyết trình		X	X	X	X			X	X	
9	Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X			X	X	X

10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương pháp đánh giá trên, Khoa NGHỆ THUẬT đã xây dựng bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) dưới đây của CTĐT ngành Thanh nhạc

10.2.1. Đánh giá chuyên cần

Rubric 1: Chuyên cần

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	
	Dự học trên lớp (50%)	Đóng góp tại lớp (50%)
Mức A (8.5-10)	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.
Mức B (7.0-8.4)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90(%)	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả
Mức C (5.5-6.9)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75(%)	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả
Mức D (4.0-5.4)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40-<55(%)	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả

Mức F (0.0-3.9)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp
----------------------------	--------------------------------	--

Rubric 2: Tham gia các buổi hướng dẫn chuyên môn của giảng viên

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)					
	Tổ chức nhóm (20%)	Chuyên cần (10%)	Thảo luận (20%)	Nội dung theo quy định (20%)	Trình bày thuyết minh (15%)	Bản vẽ kỹ thuật (15%)
Mức A (8.5-10)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	90-100 (%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Đầy đủ 100% nội dung theo quy định; trình tự hợp lý; kết quả đúng;	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có thể ứng dụng ngay vào công trình thực tế
Mức B (7.0-8.4)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	75-<90 (%)	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Đầy đủ 100% nội dung theo quy định; trình tự hợp lý; kết quả đúng;	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Thể hiện đầy đủ; kích thước rõ ràng; nội dung thể hiện đúng theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày hợp lý; ghi chú rõ ràng, chi tiết
Mức C (5.5-6.9)	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	55-<75 (%)	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Nội dung đầy đủ theo tiến độ quy định; trình tự hợp lý; một số kết quả có sai sót, nhầm lẫn	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn về kích thước, ghi chú, giải thích các thông số, bảng biểu	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày; nội dung đúng yêu cầu, ghi chú đầy đủ
Mức D (4.0-5.4)	Trách nhiệm và việc làm của mỗi thành viên trong nhóm không rõ	40-<55 (%)	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp	Nội dung không đầy đủ (<50%); kết quả có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng, thiếu kích thước; cấu tạo chi

	ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên		trong nhóm	các bước không hợp lý	biểu; ký hiệu được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	tiết các bộ phận, nội dung đúng yêu cầu song có nhiều sai sót; ghi chú không phù hợp
Mức F (0.0-3.9)	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm	<40(%)	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm	Không có nội dung	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót	Không có bản vẽ hoặc bản vẽ quá sơ sài; hình ảnh theo yêu cầu nội dung không đúng

10.2.2. Đánh giá bài tập

Rubric 3: Đánh giá bài tập

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nộp bài tập (20%)	Trình bày bài tập (30%)	Nội dung bài tập (50%)
Mức A (8.5-10)	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý
Mức B (7.0-8.4)	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; rõ ràng
Mức C (5.5-6.9)	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Trình bày đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú, kích cỡ)	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót
Mức D (4.0-5.4)	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác
Mức F (0.0-3.9)	Không nộp bài tập	Không có bài tập	Không có bài tập

10.2.3. Đánh giá thuyết trình

Rubric 4: Đánh giá thuyết trình

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nội dung báo cáo (50%)	Trình bày slide (25%)	Thuyết trình (25%)

Mức A (8.5-10)	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định
Mức B (7.0-8.4)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định
Mức C (5.5-6.9)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định
Mức D (4.0-5.4)	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; hình ảnh minh họa và giải thích chưa rõ ràng	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ; sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa đúng quy định
Mức F (0.0-3.9)	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Phần trình bày không logic; sử dụng từ không đúng, âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định

10.2.4. Đánh giá kiểm tra viết: thang điểm 10; theo đáp án đã được thiết kế.

10.2.5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm: thang điểm 10; theo đáp án đã được thiết kế.

10.2.6. Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp

Rubric 5: Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	
	Thái độ trả lời và bảo vệ (20%)	Nội dung trả lời và bảo vệ (80%)
Mức A (8.5-10)	Giao tiếp và trả lời rất tự tin; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút; tương tác tốt với người nghe	Đầy đủ, súc tích, rõ ràng và chính xác; liên quan trực tiếp đến câu hỏi hay yêu cầu bảo vệ; lập luận, phân tích rất thuyết phục
Mức B (7.0-8.4)	Giao tiếp và trả lời tự tin; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác khá tốt với người nghe	Đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng; liên quan đến câu hỏi hay yêu cầu bảo vệ; lập luận, phân tích khá thuyết phục

Mức C (5.5-6.9)	Giao tiếp và trả lời tương đối tự tin; âm giọng vừa phải, dễ nghe; có chủ động tương tác với người nghe	Khá đầy đủ, đúng trọng tâm nhưng có phần chưa ngắn gọn; liên quan đến câu hỏi hay yêu cầu bảo vệ; lập luận, phân tích có phần không thuyết phục
Mức D (4.0-5.4)	Giao tiếp và trả lời có phần thiếu tự tin; âm giọng thấp, hơi khó nghe; chưa chủ động tương tác với người nghe	Chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, dài dòng; ít liên quan đến câu hỏi hay yêu cầu bảo vệ; lập luận, phân tích không thuyết phục
Mức F (0.0-3.9)	Giao tiếp và trả lời khá thô lỗ; thiếu hợp tác và không tôn trọng người nghe; âm giọng khó nghe và dùng nhiều từ không thích hợp	Hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi và yêu cầu bảo vệ; lập luận, phân tích không hợp lý, phi logic

10.2.7. Đánh giá chương trình biểu diễn báo cáo

Rubric 6: Đánh giá chương trình biểu diễn báo cáo

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nội dung báo cáo (60%)	Kỹ thuật thanh nhạc (20%)	Cảm xúc âm nhạc và hình tượng âm nhạc của tác phẩm (20%)
Mức A (8.5-10)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu: thời lượng từ 35 - 40 phút, số lượng tác phẩm từ 6-8; độ phức tạp của tác phẩm	Có cấu trúc chương trình chặt chẽ, hợp lý, nội dung và trình tự tác phẩm được trình bày phù hợp; đạt chất lượng các kỹ thuật thanh nhạc của tác phẩm	Cảm xúc âm nhạc đáp ứng nội dung của tác phẩm; thể hiện được hình tượng âm nhạc của tác phẩm
Mức B (7.0-8.4)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu: thời lượng từ 40- 45 phút, số lượng tác phẩm từ 6-8; độ phức tạp của tác phẩm thấp hơn	Có cấu trúc chương trình chặt chẽ, hợp lý; đạt chất lượng các kỹ thuật thanh nhạc của tác phẩm	Cảm xúc âm nhạc đáp ứng nội dung của tác phẩm; thể hiện được hình tượng âm nhạc của tác phẩm nhưng rõ nét
Mức C (5.5-6.9)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu: thời lượng có thể dưới 35 phút, số lượng tác phẩm từ 6-8; độ phức tạp của tác phẩm thấp hơn	Có cấu trúc chương trình chặt chẽ, hợp lý; chất lượng các kỹ thuật thanh nhạc của tác phẩm chưa hoàn thiện	Cảm xúc âm nhạc đáp ứng nội dung của tác phẩm; chưa thể hiện được hình tượng âm nhạc của tác phẩm hoặc chỉ thể hiện hời hợt
Mức D (4.0-5.4)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu: thời lượng từ dưới 35 phút, số lượng tác phẩm từ 6-8; tác phẩm đơn giản, chưa thể hiện được yêu cầu của cấp học	Có cấu trúc chương trình chưa hợp lý; chưa đạt chất lượng về các kỹ thuật thanh nhạc trong một số tác phẩm	Cảm xúc âm nhạc chưa đáp ứng nội dung của tác phẩm; chưa thể hiện được hình tượng âm nhạc của tác phẩm
Mức F (0.0-3.9)	Không có nội dung hoặc nội dung được	Cấu trúc chương trình không chặt chẽ,	Không có cảm xúc âm nhạc; không đáp ứng yêu

	trình bày trong báo cáo không đúng yêu cầu, thời lượng không đủ, tác phẩm đơn giản về mặt kỹ thuật, nội dung.	không hợp lý; Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thanh nhạc của tác phẩm hay không đúng yêu cầu của bậc học	câu hay không thể hiện đúng với nội dung tác phẩm
--	---	---	---

10.2.8. Đánh giá làm việc nhóm

Rubric 7: Đánh giá làm việc nhóm

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)			
	Tổ chức nhóm (30%)	Chuyên cần (20%)	Thảo luận nhóm (30%)	Phối hợp nhóm (20%)
Mức A (8.5-10)	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng của từng thành viên; phát huy được thể mạnh của thành viên	Tham gia 90-100 (%)	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận/biểu diễn nhóm	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác
Mức B (7.0-8.4)	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên	Tham gia 75-<90 (%)	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận/biểu diễn của nhóm	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên khác và với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác
Mức C (5.5-6.9)	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	Tham gia 55-<75 (%)	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận/trình diễn của nhóm	Có hợp tác, phối hợp với thành viên khác và với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác
Mức D (4.0-5.4)	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên không cụ thể	Tham gia 40-<55 (%)	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận/biểu diễn nhóm	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác
Mức F (0.0-3.9)	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm	<40 (%)	Không tham gia thảo luận/biểu diễn nhóm	Không hợp tác và phối hợp nhóm

11. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học Sài Gòn sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá kết quả học học tập của người học như sau:

Thang điểm 10 được dùng để đánh giá học phần bao gồm điểm bộ phận, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần (được làm tròn đến một chữ số thập phân); điểm học phần bằng tổng các điểm bộ phận nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để xếp loại kết quả học tập của người học đối với học phần.

Thang điểm 4 được dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy nhằm đánh giá kết quả học tập và xếp loại học tập đối với người học sau mỗi học kỳ hoặc cả khóa học.

Hệ thống tính điểm của Trường Đại học Sài Gòn được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Hệ thống tính điểm của Trường Đại học Sài Gòn

Thang điểm			Phân loại
Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4	
8.5 – 10	A	4	Đạt
7.0 – 8.4	B	3	
5.5 – 6.9	C	2	
4.0 – 5.4	D	1	
< 4.0	F	0	Không đạt

12. Cấu trúc của chương trình dạy học ngành Thanh nhạc

Chương trình dạy học của ngành Thanh nhạc được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn ở mỗi khối được thiết kế như Bảng 7.

Bảng 7. Các khối kiến thức và số tín chỉ trong chương trình dạy học ngành Thanh nhạc

Các khối kiến thức		Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	32	02
1	<i>Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	12	02
2	<i>Kiến thức Ngoại ngữ</i>	7	00
3	<i>Kiến thức Lý luận chính trị</i>	11	00
4	<i>Kiến thức đại cương khác</i>	02	00
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103	09
1	<i>Kiến thức cơ sở của ngành</i>	27	03
2	<i>Kiến thức ngành</i>	76	06
Tổng		135	11
Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy (không kể số tín chỉ của Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh)		132	

Các khối kiến thức trên đây được thiết kế nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh nhạc thể hiện ở Bảng 8.

Bảng 8. Ma trận đáp ứng các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh nhạc

Các khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không tính các học phần GDTC và GDQPAN)	20	15,15											
1	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh	14		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	H
2	Kiến thức Ngoại ngữ	7	5,30	H	H	H	H	M	X	X	H	H	X	
3	Kiến thức Lý luận chính trị	11	8,33	M	H	X	X	H	X	X	X	X	X	X
4	Kiến thức đại cương khác	02	1,52											
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	11 2	84,85											
1	Kiến thức cơ sở của ngành	30	22,73	H	H	H	H	H	H	X	H	H	X	
2	Kiến thức ngành	82	62,12	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	X
Tổng		13 2	100											

X (đáp ứng nói chung), H (đáp ứng cao),

M (đáp ứng trung bình), L (đáp ứng thấp)

13. Danh sách học phần trong chương trình dạy học ngành Thanh nhạc

Bảng 9. Danh sách học phần trong chương trình dạy học ngành Thanh nhạc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thực hành	Thực tập	Cộng	
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQPAN)			20/20					
Các học phần bắt buộc			32/32					
1	861301	Triết học Mác – Lênin	3	45			45	1
2	861302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30			30	1
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			30	1
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			30	1
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			30	1
6	865006	Pháp luật đại cương	2	30			30	1
7	866101	Tiếng Anh (I)	2	30			30	1

8	866102	Tiếng Anh (II)	2	30			30	1
9	866103	Tiếng Anh (III)	3	45			45	1
10	862101	Giáo dục thể chất (I)	1		30		30	1
11	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	45			45	1
12	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	2	30			30	1
13	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	2	14	16		30	1
14	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	4	56		60	1
Các học phần tự chọn			2/10					
15	BOBA11	Bóng bàn 1	1		30		30	1
16	BODA11	Bóng đá 1	1		30		30	1
17	BOCH11	Bóng chuyền 1	1		30		30	1
18	BORO11	Bóng rổ 1	1		30		30	1
19	CALO11	Cầu lông 1	1		30		30	1
20	BOBA12	Bóng bàn 2	1		30		30	1
21	BODA12	Bóng đá 2	1		30		30	1
22	BOCH12	Bóng chuyền 2	1		30		30	1
23	BORO12	Bóng rổ 2	1		30		30	1
24	CALO12	Cầu lông 2	1		30		30	1
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			112/127					
Kiến thức cơ sở của ngành			30/36					
Các học phần bắt buộc			27/27					
25	816431	Kỹ xướng âm 1	2		30		30	1
26	816432	Kỹ xướng âm 2	2		30		30	1
27	816408	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	4	50	10		60	1
28	816406	Lịch sử âm nhạc thế giới	4	50	10		60	1
29	816413	Hợp xướng 1	2		30		30	1
30	816414	Hợp xướng 2	2		30		30	1
31	816402	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	3	45			45	1
32	847401	Hát dân ca	3	15	30		45	1
33	816407	Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học âm nhạc	2	30			30	1
34	816409	Tin học âm nhạc	3	15	30		45	1
Các học phần tự chọn			3/9					
35	816401	Nghệ thuật học đại cương	3	45			45	1
36	816445	Mỹ học đại cương	3	45			45	1
37	865002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45			45	1
Kiến thức ngành			82/91					
Các học phần bắt buộc			76/76					
38	816433	Kỹ xướng âm 3	2		30		30	1
39	816434	Kỹ xướng âm 4	2		30		30	1
40	816435	Kỹ xướng âm 5	2		30		30	1
41	816436	Kỹ xướng âm 6	2		30		30	1

42	816415	Hợp xướng 3	2		30		30	1
43	816416	Hợp xướng 4	2		30		30	1
44	847402	Kỹ thuật diễn viên	3		45		45	1
45	816412	Múa	3		45		45	1
46	816405	Chỉ huy phổ thông	3		45		45	1
47	847412	Piano phổ thông 1	2		30		30	1
48	847413	Piano phổ thông 2	2		30		30	1
49	847414	Piano phổ thông 3	2		30		30	1
50	847415	Piano phổ thông 4	2		30		30	1
51	816441	Hòa âm 1	2	15	15		30	1
52	816442	Hòa âm 2	2	15	15		30	1
53	816410	Phân tích tác phẩm	4	30	30		60	1
54	847416	Phát âm tiếng Ý - Đức - Nga	3	10	35		45	1
55	816403	Kiến thức âm nhạc tổng hợp	3	30	15		45	1
56	816417	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	3		45		45	1
57	847418	Guítar phổ thông	3		45		45	1
58	847404	Thanh nhạc chuyên ngành 1	2		30		30	1
59	847405	Thanh nhạc chuyên ngành 2	2		30		30	1
60	847406	Thanh nhạc chuyên ngành 3	2		30		30	1
61	847407	Thanh nhạc chuyên ngành 4	2		30		30	1
62	847408	Thanh nhạc chuyên ngành 5	2		30		30	1
63	847409	Thanh nhạc chuyên ngành 6	2		30		30	1
64	847403	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	3	45			45	1
65	816079	Thực tế chuyên môn	2			30	30	1
66	847499	Khóa luận tốt nghiệp	10					1
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>			<i>10/10</i>					
67	847410	Thanh nhạc chuyên ngành 7	3		45		45	1
68	847411	Thanh nhạc chuyên ngành 8	3		45		45	1
69	847417	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	4	30	30		60	1
<i>Các học phần tự chọn</i>			<i>6/15</i>					
70	816437	Nhạc khí đại cương	3	45			45	1
71	816438	Thẻ loại âm nhạc	3	45			45	1
72	816404	Nhập môn sáng tác	3	15	30		45	1
73	816443	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	3	45			45	1
74	816444	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	45			45	1
Tổng số tín chỉ phải tích lũy (không tính môn học Giáo dục thể chất và môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh)			132/147					

14. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh Nhạc

Bảng 10. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thanh nhạc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQPAN)												
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1	861301	Triết học Mác - Lênin		H			X			X		
2	861302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		H			X			X		
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học		H			X			X		
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh		H			X			X		
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		H			X			X		
6	865006	Pháp luật đại cương		H						X		
7	866101	Tiếng Anh (I)	X	X	H							
8	866102	Tiếng Anh (II)	X	X	H							
9	866103	Tiếng Anh (III)	X	X	H							
10	862101	Giáo dục thể chất (I)	X	X								H
11	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	X	X								H
12	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	X	X								H
13	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	X	X								H
14	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	X	X								H
<i>Các học phần tự chọn</i>												
15	BOBA11	Bóng bàn 1										H
16	BODA11	Bóng đá 1										H
17	BOCH11	Bóng chuyền 1										H
18	BORO11	Bóng rổ 1										H
19	CALO11	Cầu lông 1										H
20	BOBA12	Bóng bàn 2										H
21	BODA12	Bóng đá 2										H
22	BOCH12	Bóng chuyền 2										H
23	BORO12	Bóng rổ 2										H
24	CALO12	Cầu lông 2										H
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
Kiến thức cơ sở của ngành												
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
25	816431	Ký xướng âm 1	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
26	816432	Ký xướng âm 2	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
27	816408	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
28	816406	Lịch sử âm nhạc thế giới	H	M	X	H	M	M	X	M	M	
29	816413	Hợp xướng 1	M	M	X	M	X	X		X		
30	816414	Hợp xướng 2	M	M	X	M	X	X		X		
31	816402	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	H	M	X	H	M	X	X	M	M	

32	847401	Hát dân ca	H	H		H	M	X	X	M	M	
33	816407	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học âm nhạc	X	M	X		H			X	H	
34	816409	Tin học âm nhạc		M			X			X	M	
Các học phần tự chọn												
35	816401	Nghệ thuật học đại cương	M	M	X		H			X	M	
36	816445	Mỹ học đại cương	M	M	X		H			X	M	
37	865002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	M	M	X		H			X	M	
Kiến thức ngành												
38	816433	Ký xướng âm 3	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
39	816434	Ký xướng âm 4	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
40	816435	Ký xướng âm 5	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
41	816436	Ký Xướng âm 6	H	H	X	H	H	H	X	M	M	
42	816415	Hợp xướng 3	M	M	X	M	X	X		X	X	
43	816416	Hợp xướng 4	M	M	X	M	X	X		X	X	
44	847402	Kỹ thuật diễn viên	H	M	X	M	X		H	X	X	
45	816412	Múa	H	M	X	M	X		H		X	
46	816405	Chỉ huy phổ thông	M	M	X	X	X			X	X	
47	847412	Piano phổ thông 1	M	M	X	M	X	H		M	X	
48	847413	Piano phổ thông 2	M	M	X	M	X	H		M	X	
49	847414	Piano phổ thông 3	H	M	X	M	X	H		M	X	
50	847415	Piano phổ thông 4	H	M	X	M	X	H		M	X	
51	816441	Hòa âm 1	X	M	X	M	H	M		M	M	
52	816442	Hòa âm 2	X	M	X	M	H	M		M	M	
53	816410	Phân tích tác phẩm	H	M	X	H	H	M	X	M	H	
54	847416	Phát âm tiếng Ý - Đức - Nga	H	H	H	M	X			X		
55	816403	Kiến thức âm nhạc tổng hợp	M	H	X	H	X	M	X	M	M	
56	816417	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	H	H	X	X	X		X	X	X	
57	847418	Guitar phổ thông	M	X	M	H	M	X	X	M	M	
58	847404	Thanh nhạc chuyên ngành 1	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
59	847405	Thanh nhạc chuyên ngành 2	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
60	847406	Thanh nhạc chuyên ngành 3	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
61	847407	Thanh nhạc chuyên ngành 4	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
62	847408	Thanh nhạc chuyên ngành 5	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
63	847409	Thanh nhạc chuyên ngành 6	H	X	M	H	M	X	X	M	M	
64	847403	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	H	X	M	M	X	X	X	M	H	
65	816079	Thực tế chuyên môn	X	X	X	X			X		X	
66	847499	Khóa luận tốt nghiệp	H	H	H	H	H	H	H	H	H	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp												
67	847410	Thanh nhạc chuyên ngành 7	H	H	H	H	X	X	X	M	M	
68	847411	Thanh nhạc chuyên ngành 8	H	H	H	H	X	X	X	M	M	

69	847417	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	X	H		H		X	X	H	M	
<i>Các học phần tự chọn</i>												
70	816437	Nhạc khí đại cương	X	X	X	H	M	X		M	M	
71	816438	Thể loại âm nhạc	H	X	X	X	X	X	X	X	X	
72	816404	Nhập môn sáng tác	X	X	X	H	M	X		M	M	
73	816443	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam			X	H	H	X	X	X	H	
74	816444	Âm nhạc truyền thống Việt Nam			X	H	H	X	X	X	H	

(Sử dụng một trong các phương án: H (đáp ứng cao), M (đáp ứng trung bình), L (đáp ứng thấp), để ghi vào ô được chọn)

15. Kế hoạch dạy học ngành Thanh nhạc

Bảng 11. Kế hoạch dạy học ngành Thanh nhạc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện									Mã học phần học trước
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I. . Khối kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQPAN)			20/20										
<i>Các học phần bắt buộc</i>			32/32										
1	861301	Triết học Mác – Lênin	3	X									
2	861302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X								861301
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X							861302
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X						861303
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					X					861303
6	865006	Pháp luật đại cương	2						X				
7	866101	Tiếng Anh (I)	2			X							Điểm KS >= 30
8	866102	Tiếng Anh (II)	2				X						866101
9	866103	Tiếng Anh (III)	3					X					866102
10	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	X									
11	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	X									
12	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	2		X								\
13	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	2			X							862407
14	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4				X						862408
<i>Các học phần tự chọn</i>			2/10										
15	BOBA11	Bóng bàn 1	1		X								862101
16	BODA11	Bóng đá 1	1		X								862101
17	BOCH11	Bóng chuyền 1	1		X								862101
18	BORO11	Bóng rổ 1	1		X								862101
19	CALO11	Cầu lông 1	1		X								862101

55	816403	Kiến thức âm nhạc tổng hợp	3								X			
56	816417	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	3								X			
57	847418	Guitar phổ thông	3					X						
58	847404	Thanh nhạc chuyên ngành 1	2	X										
59	847405	Thanh nhạc chuyên ngành 2	2		X									
60	847406	Thanh nhạc chuyên ngành 3	2			X								
61	847407	Thanh nhạc chuyên ngành 4	2				X							
62	847408	Thanh nhạc chuyên ngành 5	2					X						
63	847409	Thanh nhạc chuyên ngành 6	2						X					
64	847403	Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc	3						X					
65	816079	Thực tế chuyên môn	2						X					
66	847499	Khóa luận tốt nghiệp	10											
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			10/10											
67	847410	Thanh nhạc chuyên ngành 7	3								X			
68	847411	Thanh nhạc chuyên ngành 8	3									X		
69	847417	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	4									X		
Các học phần tự chọn			6/15											
70	816438	Thể loại âm nhạc	3				X							
71	816437	Nhạc khí đại cương	3								X			
72	816404	Nhập môn sáng tác	3				X							
73	816443	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	3								X			
74	816444	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3								X			

Ghi chú: Học kỳ phụ được tính gộp vào học kỳ chính kế trước.

16. Mô tả các học phần

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1, Mã học phần: 861301, tên học phần: *Triết học Mác - Lênin (số tín chỉ: 3)*

Triết học nghiên cứu vấn đề cơ bản: mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, những mối liên hệ phổ biến và những quy luật chung nhất của giới tự nhiên, xã hội, tư duy. Với vai trò là hạt nhân lý luận của thế giới quan, triết học giải quyết và cải tạo những vấn đề thực tiễn đặt ra trong thế giới.

Chương một trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương hai trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm các vấn đề: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức. Chương ba trình bày những nội

dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm các vấn đề: hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2, Mã học phần: 861302, tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (số tín chỉ: 2):

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Nội dung gồm 6 chương, trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới. Cụ thể: Hành hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3, Mã học phần: 861303, tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (số tín chỉ: 2)

Môn học có 07 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, như: sự ra đời của CNXH khoa học; lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về xã hội XHCN và thời kì quá độ lên CNXH; về nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong tiến trình cách mạng XHCN; về vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên CNXH.

4, Mã học phần: 861304, tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (số tín chỉ: 2)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.

Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

5. Mã học phần: 861305, tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (số tín chỉ: 2)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên

ngành đào tạo.

Nội dung chủ yếu của môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa- xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.

6, Mã học phần: 865006, tên học phần *Pháp luật đại cương (số tín chỉ: 2)*

Giới thiệu những vấn đề cơ bản về nhà nước, nguồn gốc nhà nước, chức năng và hoạt động của bộ máy nhà nước và nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tìm hiểu các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật nhà nước (Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam); Các ngành luật nội dung như: Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình và ngành luật hình thức như Luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Tố tụng dân sự.

7, Mã học phần: 866101, tên học phần: *Tiếng Anh I (số tín chỉ: 2)*

Học phần Tiếng Anh I là học phần bắt buộc thuộc nhóm môn chung. Học phần được giảng dạy cho sinh viên thuộc các khoa trong nhà trường (ngoại trừ sinh viên khoa Ngoại ngữ). Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh, kiến thức về văn hóa liên quan đến các nước nói tiếng Anh, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Anh vào mục đích giao tiếp: nghe, nói, đọc, viết và hướng dẫn sinh viên luyện tập phát âm từ tiếng Anh. Ngoài ra giảng viên giảng dạy học phần hướng dẫn sinh viên về phương pháp học tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng tự học sau những giờ lý thuyết, luyện tập trên lớp.

8, Mã học phần: 866102, tên học phần: *Tiếng Anh II (số tín chỉ: 2)*

Học phần Tiếng Anh II thuộc nhóm Môn chung cấp độ 1 dành cho sinh viên các ngành trong trường Đại học Sài Gòn (ngoại trừ ngành ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh). Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và rèn luyện các kỹ

năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp thuộc cấp độ A2/B1 theo khung Năng lực ngoại ngữ quốc gia.

Về mặt kiến thức, sinh viên được cung cấp khối lượng từ vựng sử dụng hàng ngày liên quan đến các chủ đề như: *thiên nhiên, phim ảnh, môi trường và sức khỏe, nghề nghiệp, cuộc sống*. Ngoài ra, học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp, kiến thức về phát âm như trọng âm, ngữ điệu.

Về mặt kỹ năng, học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết như trình bày quan điểm, thảo luận, hội thoại, và viết được những dạng văn bản thông thường như mô tả, kể chuyện, báo cáo ngắn, phân tích và phát huy khả năng làm việc hợp tác thông qua các bài luyện tập trong lớp như hoạt động cặp, nhóm, những hoạt động nhóm sau giờ học trong lớp.

9, Mã học phần: 866103, tên học phần: Tiếng Anh III (số tín chỉ: 3)

Học phần Tiếng Anh III là học phần bắt buộc thuộc nhóm môn chung. Học phần được giảng dạy cho sinh viên thuộc các khoa trong nhà trường (ngoại trừ sinh viên khoa Ngoại ngữ). Điều kiện tiên quyết của học phần là sinh viên đã học xong học phần tiếng Anh II. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp, và những kiến thức về văn hóa liên quan đến các nước nói tiếng Anh. Đồng thời, học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy khả năng học hợp tác và khả năng tự học.

10, Mã học phần: 862101, tên học phần: Giáo dục thể chất I (số tín chỉ: 2)

Sinh viên được hướng dẫn thực hành về kỹ thuật nhảy dây, kỹ thuật và phương pháp chạy cự ly trung bình. Ngoài ra sinh viên hiểu được nội dung trong thể dục thể thao học đường, an toàn trong tập luyện và tác dụng cũng như ảnh hưởng khi tập luyện môn Điền kinh.

11, Mã học phần: 862406, tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh I (số tín chỉ: 3)

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam

XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

12, Mã học phần: 862407, tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh II (số tín chỉ: 2)

Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh giúp cho sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, về tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; về vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

13, Mã học phần: 862408, tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh III (số tín chỉ: 2)

Học phần III: Quân sự chung nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự: chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; điều lệnh đội ngũ từng người có súng; đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

14, Mã học phần: 862409, Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh IV (số tín chỉ: 4)

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật nhằm trang bị cho sinh viên hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng sử dụng một số loại lựu đạn và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

15, Mã học phần: BOBA11, tên học phần: Bóng bàn 1 (số tín chỉ: 1)

Môn học giúp cho người học có kiến thức về sơ lược lịch sử bộ môn Bóng bàn, sinh viên được hướng dẫn thực hành kỹ thuật cơ bản bóng bàn về cách cầm vợt, lúp

bóng, giao bóng xoáy lên, xoáy xuống, gò bóng nhằm có kỹ năng bóng bàn cơ bản, góp phần rèn luyện thân thể, tăng cường thể chất cho sinh viên.

16, Mã học phần: BODA11, tên học phần: Bóng đá 1 (số tín chỉ: 1)

Bóng đá là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục thể chất, chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng đá là một môn thể thao đối kháng mang tính tập thể, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về môn bóng đá như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng đá (bóng đá Futsal 5 người).

Ngoài ra, môn học cũng đáp ứng cho người học khối lượng tập luyện đủ để duy trì và phát triển nền tảng thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

17, Mã học phần: BOCH11, tên học phần: Bóng chuyền 1 (số tín chỉ: 1)

Sinh viên được trang bị kiến thức về bóng chuyền: lịch sử hình thành và phát triển; thực hành kỹ năng ở mức độ cơ bản: chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng. Thông qua các buổi tập, sinh viên nắm được một số luật thi đấu cơ bản nhất (chương 4, chương 6, 7), tránh được một số lỗi cơ bản.

18, Mã học phần: BORO11, tên học phần: Bóng rổ 1 (số tín chỉ: 1)

- Bóng rổ là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục thể chất trường Đại học Sài Gòn, là chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

- Bóng rổ là một môn thể thao đồng đội mang tính đối kháng trực tiếp, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về bóng rổ như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng rổ.

Ngoài ra, việc duy trì và tập luyện đủ sẽ giúp cho người tập phát triển các tố chất thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

19, Mã học phần: CALO11, tên học phần: Cầu lông 1 (số tín chỉ: 1)

Sau khi học xong học phần Cầu lông 1 sinh viên thực hiện được kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông như cầm vợt, cầu cầu, tư thế chuẩn bị đánh cầu lông, phát cầu, đánh cầu cao sâu thuận tay, đỡ phát cầu, đánh cầu trái tay cao, kỹ thuật đập cầu, kỹ thuật chặn cầu trên lưới để sinh viên có điều kiện rèn luyện thân thể, duy trì, tăng cường thể lực để học tập tốt và công tác tốt sau này.

20, Mã học phần: BOBA12, tên học phần: Bóng bàn 2 (số tín chỉ: 1)

Môn học giúp cho người học có kiến thức về kỹ thuật và luật thi đấu nhằm có kỹ năng bóng bàn về kỹ thuật vạt bóng, gò bóng, bạt bóng, có sự hiểu biết chính xác về luật thi đấu bóng bàn. Ngoài ra, môn học còn nhằm góp phần rèn luyện thân thể, tăng cường thể chất cho sinh viên.

21, Mã học phần: BODA12, tên học phần: Bóng đá 2 (số tín chỉ: 1)

Bóng đá là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục thể chất, chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng đá là một môn thể thao đối kháng mang tính tập thể, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về môn bóng đá như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng đá và bóng đá Futsal (bóng đá 5 người).

Ngoài ra, môn học cũng đáp ứng cho người học khối lượng tập luyện đủ để duy trì và phát triển nền tảng thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

22, Mã học phần: BOCH12, tên học phần: Bóng chuyền 2 (số tín chỉ: 1)

Sinh viên được trang bị kiến thức lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền; thực hành nâng cao các kỹ năng: chuyền hai, đệm bóng từ khu sau, phát bóng điều chỉnh. Thông qua các buổi đấu tập, sinh viên nắm được một số hoạt động thi đấu cơ bản nhất, tránh được một số lỗi cơ bản.

23, Mã học phần: BORO12, tên học phần Bóng rổ 2 (số tín chỉ: 1)

- Bóng rổ là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục thể chất trường Đại học Sài Gòn, là chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

- Bóng rổ 2 sẽ giúp sinh viên hoàn thiện hơn về kỹ thuật cơ bản đã học, hướng dẫn cho sinh viên thực hiện về một số kỹ - chiến thuật cơ bản trong phòng thủ - tấn công của môn Bóng rổ: kỹ thuật di chuyển dẫn bóng vượt qua chướng ngại vật và thực hiện hai bước lên rổ, kỹ thuật di chuyển chuyền - bắt bóng và thực hiện hai bước lên rổ, kỹ - chiến thuật trong phòng thủ và tấn công 1vs1, 2vs1, 3vs2.

Ngoài ra, việc duy trì và tập luyện đủ sẽ giúp cho người tập phát triển các tố chất thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

24, Mã học phần: CAL012, tên học phần: Cầu lông 2 (số tín chỉ: 1)

Sau khi học xong học phần cầu lông 2 sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu môn cầu lông, một số luật thi đấu môn cầu lông, ôn tập củng cố các kỹ thuật cầu lông cơ bản, học mới các kỹ thuật cầu lông nâng cao để sinh viên có điều kiện rèn luyện thân thể, duy trì, tăng cường thể lực để học tập tốt và công tác tốt sau này.

II. Khối kiến thức chuyên nghiệp

II.1 Kiến thức cơ sở của ngành

II.1.1. Các học phần bắt buộc

25, Mã học phần: 816431, tên học phần: Ký xướng âm 1, (số tín chỉ: 2)

Ký xướng âm (còn gọi là “Đọc - ghi nhạc”) là một trong những môn học quan trọng, đầu tiên và bắt buộc đối với mọi người học âm nhạc. Đối với sinh viên ngành Thanh nhạc, Ký xướng âm là môn học hết sức cần thiết, là cơ sở cho việc học tập, tiếp thu, nhận thức và thể hiện tác phẩm âm nhạc. Môn học giúp cho sinh viên học tập, tiếp thu và nhận thức cũng như vận dụng để học tập các học phần khác như Hòa âm, Phức điệu, Lịch sử âm nhạc, Hình thức âm nhạc, Thể loại âm nhạc, Phân tích tác phẩm, Hợp xướng, Piano...

Học phần Ký xướng âm 1 cung cấp cho người học những nội dung cơ sở, kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè), các tác phẩm âm nhạc đơn giản với giọng không dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép); các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau, các thể loại âm nhạc khác nhau;

Cung cấp cho người học kỹ năng nghe - ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu điệu thức 7 âm (trường, thứ); bộ khóa 0 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức,...
- Ghi âm quãng
- Ghi âm tiết tấu

26, Mã học phần: 816432, tên học phần: Ký xướng âm 2, (số tín chỉ: 2)

Học phần Ký xướng âm 2 tiếp tục nội dung cơ bản của học phần Ký xướng âm 1, cung cấp kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè, xướng âm 2 bè) các tác phẩm âm nhạc từ giọng có từ 0 đến 1 dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép); các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; các thể loại âm nhạc khác nhau; xướng âm Khóa Sol và Khóa Fa 4,...

- Cung cấp cho người học kỹ năng nghe - ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu điệu thức 7 âm (trường, thứ); bộ khóa từ 0 đến 1 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức,...

- Ghi âm quãng

- Ghi âm tiết tấu

27, Mã học phần: 816408, tên học phần: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, (số tín chỉ: 4)

Học phần “Lý thuyết âm nhạc cơ bản” đối với các chuyên ngành Âm nhạc là một học phần quan trọng, cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản, làm tiền đề để học tập chuyên ngành, tạo điều kiện để có thể tự nghiên cứu và tiếp tục học tập các nội dung kiến thức - thực hành âm nhạc khác như: đọc, hiểu tác phẩm âm nhạc; hát (thanh nhạc), học diễn tấu nhạc cụ; nghiên cứu hòa âm, hình thức, thể loại và phân tích tác phẩm âm nhạc...

Nội dung của học phần “Lý thuyết âm nhạc cơ bản” bao gồm: Bản chất của âm thanh, phương pháp ghi âm bằng nốt, tiết tấu - nhịp, quãng, điệu thức - giọng; vấn đề về “quan hệ họ hàng giữa các giọng”, hợp âm, nối tiếp hợp âm...

28, Mã học phần: 816406, tên học phần: Lịch sử âm nhạc thế giới, (số tín chỉ: 4)

Học phần Lịch sử âm nhạc thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Đại học Thanh nhạc. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử âm nhạc phương Tây từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục hưng trong đó có các nội dung cơ bản như: khái quát về các giai đoạn và tiến trình hình thành và phát triển nền âm nhạc phương Tây; nội dung tư tưởng; phương pháp nghệ thuật, những thành tựu âm nhạc ở từng thời kỳ; giới thiệu tác giả, tác phẩm, thể loại âm nhạc điển hình... của giai đoạn âm nhạc.

Nội dung học phần bao gồm các chương như sau

- Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy – cổ đại

- Âm nhạc thời kỳ Trung cổ

- Âm nhạc thời kỳ Phục Hưng

- Âm nhạc thời kỳ Baroque: giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của các tác giả: G. Da Palestrina, O. Di Lasso, Scalatti, G. F. Handel, J. S Bach, H. Purcell, J. B. Lully, F. Couperin, A. Corelli, A. Vivaldi, C. W. Gluck, ...

- Âm nhạc thời kỳ Cổ điển: giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của các tác giả: J. Haydn, W. A. Mozart, L. V. Beethoven

- Âm nhạc thời kỳ Lãng mạn: giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của các tác giả: F. P. Schubert, F. B. Mendelssohn, R. Schumann, F. Chopin, N. Paganini, G. Rossini, G. Verdi, F. Liszt, H. Berlioz, G. Bizet, R. Wagner, B. Smetana, A. Dvorak, J. Brahms, E. Grieg...

Giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của các tác giả thuộc trường phái âm nhạc Nga, nhóm “Hùng mạnh” và P. I. Tchaikovsky

- Chủ nghĩa Ấn tượng trong âm nhạc. Giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của các tác giả C. Debussy, M. Ravel

- Giới thiệu vai trò, đặc điểm âm nhạc và sáng tác của một số tác giả Nga - Xô Viết và Đông Âu: S. Scriabin, M. Miascovsky, S. Rachmaninov, S. Prokofiev, D. Khachaturyan, Schostakovitch, Béla Bartok, Zoltán Kodály...

- Giới thiệu những trường phái âm nhạc đầu thế kỷ XX: trường phái Cổ điển mới (Neo-classism), Hậu Lãng mạn (Post-Romanticism), chủ nghĩa Biểu hiện (Expressionism), Âm nhạc vô điệu tính và hệ thống âm nhạc 12 bậc (Anatolity and Dodecaphony), trường phái Âm nhạc cụ thể (Concrete Music)...

29, Mã học phần: 816413, tên học phần: Hợp xướng 1, (số tín chỉ: 2)

Học phần giúp người học tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận và thực hành được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật thanh nhạc trong hình thức hát hợp xướng: tính chất các giọng, các bè, cách phân bè, các loại hợp xướng,... và nhất là làm quen, thực hành các kỹ thuật hát (lấy hơi, hát ngắt, hát liền tiếng, hát rời tiếng, thể hiện sắc thái, cường độ...) trong hình thức hát hòa giọng bốn bè.

Học phần Hợp xướng 1 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Lược sử nghệ thuật hát hợp xướng
- Những vấn đề chung về hát hợp xướng
- Hình thức hát hợp xướng hai bè
- Hình thức hát hợp xướng ba bè

30, Mã học phần: 816414, tên học phần: Hợp xướng 2, (số tín chỉ: 2)

Học phần (môn) Hát hợp xướng 2 là học phần bắt buộc. Học phần có lượng kiến thức – thực hành nhằm cho môn học hỗ trợ chuyên ngành bằng hình thức thực hành

tham gia dàn hợp xướng và giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng ca hát, làm việc nhóm, có khả năng làm việc với những tác phẩm nhiều bè...

Học phần giúp người học tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật hợp xướng: tính chất các giọng, các bè, cách phân bè, các loại hợp xướng,... và nhất là làm quen, thực hành các kỹ thuật hát (lấy hơi, hát ngắt, hát liền tiếng, hát rời tiếng, thể hiện sắc thái, cường độ...) trong hình thức hát hòa giọng bốn bè.

Học phần Hợp xướng 2 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Hình thức hát hợp xướng bốn bè
- Thực hành các tác phẩm hợp xướng bốn bè ở các mức độ phức tạp khác nhau

31, Mã học phần: 816402, tên học phần: Lịch sử âm nhạc Việt Nam, (số tín chỉ: 3)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về diễn trình lịch sử âm nhạc Việt Nam và giới thiệu một số thể loại âm nhạc, tác giả, tác phẩm... tiêu biểu qua các thời kỳ. Chương trình bao gồm các phần: âm nhạc thời Hùng Vương, âm nhạc thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc: âm nhạc thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ (Lý - Trần - Lê - Nguyễn); âm nhạc thế kỷ XX...

Học phần giới thiệu tình hình xã hội - chính trị kết nối với các thể loại nghệ thuật âm nhạc để có một cái nhìn toàn diện đối với nghệ thuật âm nhạc.

Nội dung học phần được chia gồm các chương như sau:

- Âm nhạc thời thượng cổ và thời Hùng Vương
- Âm nhạc dưới thời Bắc thuộc
- Âm nhạc thời kỳ độc lập – tự chủ (thế kỷ XI – XV)
- Âm nhạc đời Lý (1010 – 1225)
- Âm nhạc đời Trần (1225-1400)
- Âm nhạc đời Hồ (1400 – 1407)
- Âm nhạc Việt Nam từ thế kỷ XV đến XIX
- Âm nhạc đời Lê (1428-1788)
- Âm nhạc đời Nguyễn (1802-1945)
- Âm nhạc nửa đầu thế kỷ XX
- Âm nhạc Việt Nam từ 1945 đến 1975

32, Mã học phần: 847401, tên học phần: Hát dân ca, (số tín chỉ: 3)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các thể loại âm nhạc dân gian Việt Nam, giúp cho người học có hiểu biết nền tảng về các thể loại âm nhạc dân gian, nắm được những đặc trưng mang tính bản sắc của âm nhạc Việt Nam để có thể ứng dụng vào chuyên ngành, hát những bài dân ca Việt Nam...

Học phần còn có phần thực hành, hướng dẫn người học thể hiện những làn điệu dân ca của người Việt và một số làn điệu dân ca các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Học phần Hát dân ca được giới thiệu trong chương trình gồm:

- Đại cương (dẫn nhập) dân ca Việt Nam
- Các thể loại nhạc hát dân gian (dân ca) người Việt:
 - Dân ca miền Bắc
 - Dân ca miền Trung
 - Dân ca miền Nam
- Một số làn điệu dân ca các dân tộc thiểu số Việt Nam

33, Mã học phần: 816407, tên học phần: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học âm nhạc (số tín chỉ: 2)

Nội dung: Phương pháp nghiên cứu khoa học là khoa học về nghiên cứu, cũng là khoa học về phương pháp. Với khái niệm “phương pháp luận” (methodology), Phương pháp nghiên cứu khoa học là bộ môn được đưa vào giảng dạy tại hầu hết các chương trình bậc Đại học trên thế giới, nhất là ở các nước phương Tây và Bắc Mỹ.

Học phần *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học âm nhạc* cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành Âm nhạc khái niệm cơ bản, những kiến thức cơ sở trong công việc nghiên cứu khoa học như: khái niệm nghiên cứu khoa học; phân loại nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu khoa học và những bước tiến hành trong nghiên cứu; Hình thức trình bày, cấu trúc một báo cáo - công trình khoa học đối với ngành Âm nhạc...

Đặc biệt, để thực hiện phần trình bày một nghiên cứu âm nhạc, môn học giới thiệu những phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và âm nhạc nói riêng.

34, Mã học phần: 8160409, tên học phần: Tin học âm nhạc (số tín chỉ: 3)

Nội dung: tiếp tục cung cấp những kiến thức trong việc sử dụng máy tính cho học tập, nghiên cứu âm nhạc. Học phần cung cấp chủ yếu những kiến thức chung và cách sử dụng các phần mềm ứng dụng trong âm nhạc như chương trình Encore, finale 2014. Đây là những ứng dụng - tiện ích không chỉ cho việc chép nhạc bằng máy tính

mà còn có những tiện ích khác trong học tập âm nhạc như: rút gọn tổng phổ thành bè piano, phát nhạc theo các phong cách khác nhau, thêm bè cho các giai điệu...

II.1.2. Các học phần tự chọn

35, Mã học phần: 816401, tên học phần: Nghệ thuật học đại cương (số tín chỉ: 3)

Học phần trang bị những kiến thức đại cương về nghệ thuật học, nhằm giúp sinh viên có được một cái nhìn tổng quát về nghệ thuật như một khoa học với các yếu tố cấu thành của nó: những vấn đề lý thuyết; giới thiệu các loại hình nghệ thuật và đặc trưng ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật; lịch sử phát triển nghệ thuật của thế giới (nghệ thuật phương Tây và phương Đông) và phương pháp nghiên cứu những chuyên ngành của nghệ thuật học.

36, Mã học phần: 816445, tên học phần: Mỹ học đại cương (số tín chỉ: 3)

Môn học đem lại cho người học những nhận thức về nghệ thuật và cái đẹp đang diễn ra trong dòng chảy của đời sống hàng ngày, đang trực tiếp tác động đến phương hướng sống của con người, nhằm nói lên số phận của quần chúng và các quy luật bên trong nhưng có tính phổ biến của lịch sử nhân loại.

Môn học giúp cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá, cảm thụ, thưởng thức các hiện tượng thẩm mỹ và có khả năng nhận thức thẩm mỹ, được giáo dục thẩm mỹ, góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ, xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

37, Mã học phần: 865002, tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam (số tín chỉ: 3)

Môn học nhằm trang bị cho người học các vấn đề lý luận về văn hoá, đường lối chính sách văn hoá của Đảng, thực tiễn quá trình vận động, phát triển của văn hoá Việt Nam, tính đa dạng - thống nhất, thống nhất - đa dạng của văn hoá Việt Nam. Những kiến thức về mối quan hệ - ứng xử của người Việt Nam với văn hoá và môi trường. Trên cơ sở đó có thái độ ứng xử văn hoá đúng trong lao động, học tập, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa.

II.2. Kiến thức ngành

II.2.1. Các học phần bắt buộc

38, Mã học phần: 816433, tên học phần: Ký xướng âm 3, (số tín chỉ: 2)

Học phần Ký xướng âm 3 tiếp tục nội dung cơ bản của học phần Ký xướng âm 2, tiếp tục cung cấp kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè, xướng âm 2 bè) các tác phẩm âm nhạc từ giọng có 0 dấu hóa đến 2 dấu hóa; các loại nhịp đơn và nhịp kép; các

giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; có hoặc không có chuyển điệu; các thể loại âm nhạc khác nhau; các giai điệu được viết ở các khóa nhạc khác nhau,...

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng nghe - ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu, điệu thức 7 âm (trường, thứ), bộ khóa từ 0 đến 2 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức, biến đổi...

- Ghi âm quãng

- Ghi âm tiết tấu

39, Mã học phần: 816434, tên học phần: Ký xướng âm 4, (số tín chỉ 2)

Học phần Ký xướng âm 4 tiếp tục nội dung cơ bản của học phần Ký xướng âm 3, tiếp tục cung cấp kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè) các tác phẩm âm nhạc từ giọng có 0 dấu hóa đến 3 dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép); các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; các thể loại âm nhạc khác nhau; các giai điệu được viết ở các khóa nhạc khác nhau...

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng nghe - ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu, điệu thức 7 âm (trường, thứ), bộ khóa từ 0 đến 2 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức, biến đổi...

- Ghi âm quãng

- Ghi âm tiết tấu

- Nghe hợp âm

40, Mã học phần: 816435, tên học phần: Ký xướng âm 5, (số tín chỉ: 2)

Học phần Ký xướng âm 5 tiếp tục nội dung cơ bản của học phần Ký xướng âm 4, tiếp tục cung cấp kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè, hát 2 bè - đàn 1 bè hát 1 bè) các tác phẩm âm nhạc từ giọng có 0 dấu hóa đến 4 dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép), nhịp hỗn hợp; các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; có hoặc không có chuyển điệu các thể loại âm nhạc khác nhau; hát dịch giọng các bài đã học.

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng nghe - ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu, điệu thức 7 âm (trường, thứ), bộ khóa từ 0 đến 4 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức, biến đổi; có ly điệu, chuyển điệu...

- Ghi âm quãng
- Ghi âm tiết tấu.
- Ghi âm một bè, ghi âm hai bè đơn giản,
- Nghe hợp âm

41, Mã học phần: 816436, tên học phần: Ký xướng âm 6, (số tín chỉ: 2)

Học phần Ký xướng âm 6 tiếp tục nội dung cơ bản của học phần Ký xướng âm 5, tiếp tục cung cấp kỹ thuật đọc, xướng âm (xướng âm 1 bè, hát 2 bè - đàn 1 bè hát 1 bè) các tác phẩm âm nhạc từ giọng có 0 dấu hóa đến 4 dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép), nhịp hỗn hợp; các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; có hoặc không có chuyển điệu; các thể loại âm nhạc khác nhau; hát dịch giọng các giọng từ 0 - 4 dấu hóa

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng nghe – ghi âm nhạc ở mức độ cơ bản theo trình độ của bậc học:

- Ghi âm đơn điệu, điệu thức 7 âm (trường, thứ), bộ khóa từ 0 đến 3 dấu hóa; thuộc loại nhịp đơn, phức, biến đổi; có ly điệu, chuyển điệu...
- Ghi âm quãng
- Ghi âm tiết tấu.
- Ghi âm 1 bè, ghi âm 2 bè
- Nghe và ghi hợp âm

42, Mã học phần: 816415, tên học phần; Hợp xướng 3, (số tín chỉ: 2)

Học phần chủ yếu là thực hành nhằm hỗ trợ và cũng là học phần thực hành nghệ thuật thanh nhạc chuyên ngành bằng hình thức tham gia dàn hợp xướng và giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng ca hát, làm việc nhóm, có khả năng làm việc với những tác phẩm nhiều bè...

Học phần giúp người học tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật hợp xướng: tính chất các giọng, các bè, cách phân bè, các loại hợp xướng,... và nhất là làm quen, thực hành các kỹ thuật hát (lấy hơi, hát ngắt, hát liền tiếng, hát rời tiếng, thể hiện sắc thái, cường độ...) trong hình thức hát hòa giọng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a capella).

Học phần Hợp xướng 3 giới thiệu những nội dung cơ bản của các hình thức:

- Hình thức hát hợp xướng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a capella).
- Thực hành các tác phẩm hợp xướng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a

capella) ở các mức độ phức tạp khác nhau.

43, Mã học phần: 816416, tên học phần: Hợp xướng 4, (số tín chỉ: 2)

Học phần chủ yếu là thực hành nhằm hỗ trợ và cũng là học phần thực hành nghệ thuật thanh nhạc chuyên ngành bằng hình thức tham gia dàn hợp xướng và giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng ca hát, làm việc nhóm, có khả năng làm việc với những tác phẩm nhiều bè...

Học phần giúp người học tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật hợp xướng: tính chất các giọng, các bè, cách phân bè, các loại hợp xướng,... và nhất là làm quen, thực hành các kỹ thuật hát (lấy hơi, hát ngắt, hát liền tiếng, hát rời tiếng, thể hiện sắc thái, cường độ...) trong hình thức hát hòa giọng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a capella).

Học phần Hợp xướng 4 ôn các nội dung đã học và tiếp tục giới thiệu những nội dung như sau:

- Hình thức hát hợp xướng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a capella).
- Thực hành các tác phẩm hợp xướng bốn bè có nhạc đệm và không nhạc đệm (a capella) ở các mức độ phức tạp khác nhau

44, Mã học phần: 817402, tên học phần: Kỹ thuật diễn viên, (số tín chỉ: 3)

Học phần Kỹ thuật diễn viên là một hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức tạp mà sinh viên phải tự rèn luyện thường xuyên mới đạt được thành kỹ năng, thẩm nhuần trong mỗi động tác và thể hiện “sống động” trên sân khấu. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp biểu hiện, quy tắc thực hành của sân khấu; phát triển kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể; phát triển khả năng tưởng tượng trong hoạt động biểu diễn của diễn viên thích ứng với mỗi hoàn cảnh; thể hiện được sự giải phóng cơ thể khi hát và diễn...

Đối với diễn viên sân khấu ca nhạc, học phần Kỹ thuật diễn viên sẽ hỗ trợ về tâm lý, giúp cho người học có những kỹ năng biểu hiện, thể hiện rõ nội dung tác phẩm âm nhạc, diễn đạt một cách tốt nhất hình tượng âm nhạc.

45, Mã học phần: 816412, tên học phần: Múa, (số tín chỉ: 3)

Trên cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về âm nhạc, người học cần có những kiến thức về múa để thể hiện tốt phần biểu diễn của mình đối với những tác phẩm thanh nhạc có yêu cầu thể hiện múa minh họa theo phong cách hiện đại hoặc múa chất liệu dân gian. Học phần Múa sẽ trang bị cho sinh viên những kiến

thức chung về nghệ thuật ca - múa - nhạc, một số động tác về múa dân gian Việt Nam. Trong học phần sẽ dành phần lớn thời lượng chương trình cho luyện tập để người học có kỹ năng cơ bản về múa để làm cơ sở để có thể sử dụng kỹ năng múa trong việc thể hiện tác phẩm thanh nhạc trên sân khấu.

46, Mã học phần: 816405, tên học phần: Chỉ huy phổ thông, (số tín chỉ: 3)

Kiến thức học phần Chỉ huy phổ thông trong chương trình đào tạo chuyên ngành Thanh nhạc nhằm giúp người học nắm được những kỹ thuật cơ bản, những vấn đề cơ bản trong kỹ thuật chỉ huy để người học không bối rối khi tham gia những hoạt động biểu diễn quy mô lớn. Mặt khác, nội dung còn giúp cho người học có được những hiểu biết cơ bản để có thể tham gia tư vấn, tổ chức, dàn dựng các chương trình biểu diễn ca nhạc. Nội dung chủ yếu của kỹ thuật chỉ huy ở mức độ cơ bản, bao gồm:

- Khái niệm về chỉ huy hợp xướng,
- Những vấn đề cơ bản của người chỉ huy trong tổ chức, tập luyện và biểu diễn hợp xướng
- Chỉ huy các tác phẩm có nhịp đơn ($\frac{2}{4}, \frac{3}{4}, \frac{3}{8} \dots$)
- Chỉ huy các tác phẩm có nhịp phức ($\frac{4}{4}, \frac{6}{8}, \frac{9}{8} \dots$)

47, Mã học phần: 847412, tên học phần: Piano phổ thông 1, (số tín chỉ: 2)

Học phần Piano phổ thông giúp người học có điều kiện thực hành nhạc cụ có âm thanh ổn định (tiêu chuẩn) theo hệ thống bình quân luật phương Tây. Người học được cung cấp những kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong diễn tấu đàn piano nhằm giúp người học có thể vận dụng kiến thức để luyện thanh, vỡ bài đối với môn chuyên ngành (thanh nhạc), thực hành hòa thanh trên đàn, phân tích âm nhạc,... Đặc biệt, học phần giúp người học có thể đệm ca khúc ở mức độ dễ, đồng thời có thể có sử dụng kỹ thuật diễn tấu trong những hoạt động học tập ở bậc học cao hơn, công tác, giảng dạy...

Học phần Piano 1 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Giới thiệu nhạc cụ
- Thực hành kỹ thuật cơ bản của đàn piano
- Thực hành những bài tập ngón tay và tiểu phẩm
- Thực hành gamme (các kiểu, kỹ thuật non - legato và legato), các étude, tiểu phẩm... cho đàn piano

48, Mã học phần: 847413, tên học phần: Piano phổ thông 2, (số tín chỉ: 2)

Học phần Piano phổ thông 2 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Thực hành kỹ thuật cơ bản của đàn piano
- Thực hành những bài tập ngón tay và tiểu phẩm
- Thực hành gamme (các kiểu, kỹ thuật non - legato, legato và staccato), các étude, tiểu phẩm... cho đàn piano

49, Mã học phần: 847414, tên học phần: Piano phổ thông 3, (số tín chỉ: 2)

Học phần Piano phổ thông 3 nhằm mục tiêu giúp người học có thể đệm ca khúc ở mức độ dễ, đồng thời có thể có sử dụng kỹ thuật diễn tấu trong những hoạt động học tập ở bậc học cao hơn, công tác, giảng dạy...

Giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Thực hành gamme (các kiểu, kỹ thuật non - legato, legato và staccato), các étude, tiểu phẩm... cho đàn piano
- Bước đầu làm quen với thể loại nhiều bè, phức tạp (invention, suite...)
- Bước đầu thực hành đệm piano cho ca khúc những bài hát ngắn, nhỏ có ghi sẵn phần đệm đơn giản

50, Mã học phần: 847415, tên học phần: Piano phổ thông 4, (số tín chỉ: 2)

Học phần Piano phổ thông 4 nhằm mục tiêu giúp người học có thể đệm ca khúc ở mức độ dễ, đồng thời có thể có sử dụng kỹ thuật diễn tấu trong những hoạt động học tập ở bậc học cao hơn, công tác, giảng dạy...

Học phần Piano 4 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Thực hành gamme (các kiểu, kỹ thuật non - legato, legato và staccato), các étude, tiểu phẩm, phức điệu đơn giản... cho đàn piano
- Bước đầu thực hành đệm cho những ca khúc ngắn, nhỏ, phần đệm đơn giản.

51, Mã học phần: 816441, tên học phần: Hòa âm 1, (số tín chỉ: 2)

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ sở, kỹ thuật phối hòa âm 4 bè cho giai điệu hoặc phần nền cho trước; tuy nhiên, phần nghe, phân tích hòa âm sẽ là cốt lõi của nội dung mà người học cần nắm vững để phục vụ cho chuyên ngành. Đây là phần lý thuyết then chốt, cơ sở cho các thể loại âm nhạc chủ điệu.

Học phần giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung tác phẩm; để có những cảm xúc cũng như cảm nhận được hình tượng âm nhạc ngay từ trên bản phổ của tác phẩm.

Nội dung chính của học phần Hòa âm 1 bao gồm:

- Khái niệm: hòa âm, hợp âm, giọng, điệu thức, điệu tính...
- Các hợp âm ba chính và hòa âm bốn bè
- Các thể đảo và nối tiếp các hợp âm ba chính
- Hợp âm bảy át - các thể đảo và nối tiếp các hợp âm
- Các vòng kết
- Hệ thống chức năng của các hợp âm trong điệu trường tự nhiên và thứ hòa âm
- Hợp âm III chính trong điệu trường, thứ.

52, Mã học phần: 816442, tên học phần: Hòa âm 2, (số tín chỉ: 2)

Học phần tiếp tục nội dung của học phần Hòa âm 1, hướng dẫn người học nắm vững kiến thức hòa âm để có thể sử dụng trong biểu diễn và giảng dạy. Cụ thể, sử dụng Hòa âm trong phân tích tác phẩm, hiểu và thể hiện tác phẩm.

Học phần Hòa âm 2 giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Ôn học phần Hòa âm 1
- Hợp âm bảy
- Các hợp âm ba phụ, bảy phụ
- Chuyển điệu cấp một;
- Chuyển giọng tạm - Các hợp âm át phụ và hạ át phụ
- Chuyển giọng, chuyển giọng có biến âm
- Nghe hợp âm, nghe hợp âm có chuyển điệu
- Đặt hợp âm và phối bè đơn giản cho ca khúc.

53, Mã học phần: 816410, tên học phần: Phân tích tác phẩm (số tín chỉ: 4)

Môn học hình thành tư duy âm nhạc, hỗ trợ tích cực cho việc tiếp cận tác phẩm âm nhạc ngay từ trên bản phổ và hết sức cần thiết cho người học nhạc. Môn học còn giúp cho sinh viên tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được tác phẩm âm nhạc và có mối liên quan trực tiếp với những học phần khác như Xương âm, Hòa âm, Phức điệu, Lịch sử âm nhạc, Hình thức - Thể loại âm nhạc, Hợp xướng, Piano... và nhất là học phần chuyên ngành Thanh nhạc.

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ sở về hình thức âm nhạc, chủ yếu là các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn; phương pháp phân tích chùm ca khúc, các tác phẩm thể loại Thanh nhạc khác

Những nội dung cơ bản bao gồm:

- Khái niệm chung
- Những phương pháp diễn tả âm nhạc
- Kết cấu tác phẩm âm nhạc
- Phân tích những hình thức cơ bản của tác phẩm âm nhạc: một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn
- Hình thức rondo, biến tấu (variation), sonate, các hình thức liên khúc...

Bài tập phân tích tác phẩm thanh nhạc và khí nhạc có cấu trúc hình thức: Bài tập phân tích tác phẩm thanh nhạc và khí nhạc có các hình thức hai đoạn, ba đoạn đơn, ba đoạn phức, rondo, biến tấu...

54, Mã học phần: 847416, tên học phần: Phát âm tiếng Ý - Đức - Nga, (số tín chỉ: 3)

Học phần Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức, Nga... là môn học rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng phát âm cơ bản của các ngôn ngữ này, trong đó gồm các nội dung: phát âm nguyên âm, phụ âm; cách nhấn trọng âm, diễn đạt ngữ điệu trong các loại câu: trần thuật, cảm thán, câu hỏi, câu nghi vấn... nhằm mục đích giúp người học đạt được những yêu cầu cũng như tạo điều kiện thuận lợi để phát huy được tối đa khả năng giọng hát của mình trong thể hiện những tác phẩm chuyên ngành Thanh nhạc như: romance, melodie, lied, chanson, aria...

55, Mã học phần: 816403, tên học phần: Kiến thức âm nhạc tổng hợp, (số tín chỉ: 3)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung nhất, những nội dung cốt lõi về học thuật âm nhạc, những kiến thức lý thuyết cơ bản, hệ thống các kiến thức đã học. Những kiến thức cần thiết để có thể thực hiện học phần này được tích lũy từ các học phần trước đó: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Ký xướng âm, Hòa âm, Thể loại âm nhạc, Phân tích tác phẩm, các kiến thức về dân ca, thanh nhạc, về Lịch sử âm nhạc phương Tây, Lịch sử âm nhạc Việt Nam,... Từ đây, người học sẽ được tập trung cho hệ thống kiến thức phục vụ cho chương trình học tập nâng cao, học tập Sau Đại học.

56, Mã học phần: 816417, tên học phần: Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp, (số tín chỉ: 3)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung nhất tổ chức, dàn dựng một chương trình nghệ thuật tổng hợp. Những kiến thức cần thiết để có thể thực hiện học phần này được tích lũy từ các học phần trước đó: Thể loại âm nhạc, Phân tích tác

phẩm âm nhạc, Hát dân ca, Thanh nhạc, Lịch sử âm nhạc phương Tây, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Nghệ thuật học đại cương, Kỹ thuật diễn viên, Múa...

Học phần giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung của mỗi tác phẩm; sử dụng để xây dựng một chương trình biểu diễn và tham gia cùng với cả lớp, nhóm... thực hiện một chương trình tổng hợp với tất cả các khâu tổ chức của chương trình biểu diễn. Từ đó, giúp cho sinh viên các chuyên ngành âm nhạc có thể dễ dàng hiểu được và có những kinh nghiệm, kỹ năng ban đầu đối với thực tế hoạt động dàn dựng chương trình nghệ thuật.

57, Mã học phần: 847518, tên học phần: Guitar phổ thông, (số tín chỉ: 3)

Học phần giới thiệu về tính năng của đàn guitar, trang bị kiến thức về lý thuyết song hành với luyện tập kỹ thuật luyện ngón, kỹ thuật đệm cho các ca khúc đơn giản của đàn Guitar. Nội dung của học phần bao gồm:

- Giới thiệu chung về đàn Guitar
- Một số bài tập luyện ngón cơ bản
- Bấm hợp âm giọng trưởng và thứ có bộ khóa từ 0 đến 3 dấu hóa
- Luyện tập đệm hát cho ca khúc có tiết điệu đơn giản: Slow, Valse, Rumba, Tango, Disco...

58, Mã học phần: 847404, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 1, (số tín chỉ: 2)

Thanh nhạc là môn nghệ thuật kết hợp âm nhạc và ngôn ngữ. Tuy cùng thể hiện âm nhạc, nhưng giọng hát của con người khác xa với nhạc cụ. Giọng hát của con người có thể được xem như một nhạc cụ “sống” với sức mạnh biểu hiện lớn lao, khả năng phổ cập rộng rãi. Giọng hát đã làm cho nghệ thuật âm nhạc trở thành một phương tiện truyền cảm, có khả năng tạo cho con người sự nhận thức, giáo dục tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ và là phương tiện giải trí được con người yêu thích.

Học phần Thanh nhạc nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật thanh nhạc châu Âu kinh viện, trong đó, chủ yếu là các kỹ thuật: hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh; phương pháp chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau với các kỹ thuật legato, staccato, non legato và các sắc thái cantilena, passage, crescendo, diminuendo... để có thể thể hiện các tác phẩm thanh nhạc một cách nghệ thuật và chuyên nghiệp.

Trên cơ sở những kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, người học vận dụng vào các bài luyện thanh (vocalize), các bài hát ở các mức độ khác nhau. Mức độ dễ khó được xác định theo âm vực của giọng hát, thể hiện tiết tấu, giai điệu, sắc thái, tình cảm nghệ thuật trên tác phẩm âm nhạc.

Với các mức độ kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành - biểu diễn các thể loại âm nhạc như: aria, romance, tốp khúc, ca khúc, dân ca... ở các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...

Học phần Thanh nhạc 1 chủ yếu có những nội dung cơ bản như sau:

- Kỹ thuật cơ bản về hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh
- Kỹ thuật hát liền giọng, hát nảy, hát lướt
- Kỹ thuật hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau
- Vận dụng các kỹ thuật vào các bài luyện thanh (vocalise)

59, Mã học phần: 847405, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 2, (số tín chỉ: 2)

Học phần Thanh nhạc 2 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật thanh nhạc châu Âu kinh viện, trong đó, chủ yếu là các kỹ thuật: hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh; phương pháp chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau và với các kỹ thuật legato, staccato, non legato và các sắc thái cantilena, passage, crescendo, diminuendo... để có thể thể hiện tốt nhất các tác phẩm thanh nhạc một cách nghệ thuật và chuyên nghiệp.

Với các mức độ kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành – biểu diễn các thể loại âm nhạc như: aria, romance, tốp khúc, ca khúc, dân ca... ở các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...

Học phần Thanh nhạc 2 chủ yếu có những nội dung cơ bản như sau:

- Ôn kỹ thuật cơ bản về hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh
- Ôn kỹ thuật hát liền giọng, hát nảy, hát lướt
- Kỹ thuật hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau
- Vận dụng các kỹ thuật vào các bài luyện thanh (vocalise)

60, Mã học phần: 847406, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 3, (số tín chỉ: 2)

Học phần Thanh nhạc 3 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật của nghệ thuật Thanh nhạc châu Âu kinh viện, gồm:

- Tiếp tục phát triển những kỹ thuật và nghệ thuật Thanh nhạc với các yêu cầu cao hơn học phần Thanh nhạc 2. Mở rộng âm vực và kỹ năng linh hoạt của giọng hát
- Phương pháp hát các nốt chuyển giọng, phương pháp hát âm thanh đóng tiếng (voix mixte sombrée) ở âm khu cao của các giọng nam và nữ
- Áp dụng các kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với những yêu cầu phức tạp hơn, mở rộng hơn ở nhiều mặt.
- Hướng dẫn, kiểm tra sinh viên tự tập luyện thanh và các bài tập, bài hát sau giờ học chính khóa.

Trên cơ sở những kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, người học vận dụng vào các bài luyện thanh (vocalise), các bài hát ở các mức độ khác nhau. Độ khó được xác định theo âm vực của giọng hát, thể hiện tiết tấu, giai điệu, sắc thái, tình cảm nghệ thuật đối với việc thể hiện tác phẩm âm nhạc.

Với các mức độ kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành – biểu diễn các tác phẩm âm nhạc như: aria, romance, tổ khúc, ca khúc, dân ca... ở các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...

61, Mã học phần: 847407, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 4, (số tín chỉ: 2)

Học phần Thanh nhạc 4 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật của nghệ thuật thanh nhạc châu Âu kinh viện, gồm:

- Tiếp tục phát triển những kỹ thuật và nghệ thuật thanh nhạc với các yêu cầu cao hơn học phần Thanh nhạc 3. Mở rộng âm vực và kỹ năng linh hoạt của giọng hát
- Phương pháp hát các nốt chuyển giọng, phương pháp hát âm thanh đóng tiếng (voix mixte sombrée) ở âm khu cao của các giọng nam và nữ
- Áp dụng các kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với những yêu cầu phức tạp hơn, mở rộng hơn ở nhiều mặt.
- Hướng dẫn, kiểm tra sinh viên tự tập luyện thanh và các bài tập, bài hát sau giờ học chính khóa.

Trên cơ sở những kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, người học vận dụng vào các bài luyện thanh (vocalise), các bài hát ở các mức độ khác nhau. Mức độ dễ khó được xác định theo âm vực của giọng hát, thể hiện tiết tấu, giai điệu, sắc thái, tình cảm nghệ thuật đối với mỗi tác phẩm âm nhạc.

62, Mã học phần: 847408, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 5, (số tín chỉ: 2)

Học phần Thanh nhạc 5 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật của nghệ thuật thanh nhạc châu Âu, gồm:

- Tiếp tục giải quyết những kỹ thuật cơ bản để trở thành thói quen – kỹ năng đúng: hơi thở, vị trí âm thanh, các kỹ thuật hát legato, staccato, passage.
- Phát triển mở rộng âm vực đạt gần tối đa có thể, âm thanh đong tiếng ở âm khu cao của giọng nam phải đạt được những tiêu chí đúng và cần thiết.
- Kỹ thuật thống nhất âm thanh ở các âm khu khác nhau
- Tăng cường khả năng tự rèn luyện của sinh viên. Hướng dẫn, kiểm tra sinh viên tự tập luyện thanh và các bài tập, bài hát sau giờ học chính khóa.

Với các mức độ kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành – biểu diễn các tác phẩm âm nhạc như: aria, romance, tổ khúc, ca khúc, dân ca... ở các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...

63, Mã học phần: 847409, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 6, (số tín chỉ: 2)

Học phần Thanh nhạc 6 nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật thanh nhạc cơ bản biết vận dụng có hệ thống vào thực hành để thể hiện tốt tác phẩm... Tiếp tục phát triển những kỹ thuật và nghệ thuật thanh nhạc với các yêu cầu cao hơn học phần Thanh nhạc 5. Mở rộng âm vực và kỹ năng linh hoạt của giọng hát, tạo dần kỹ năng hát đúng và thẩm mỹ nghệ thuật tốt. Áp dụng các kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với những yêu cầu phức tạp hơn, mở rộng hơn ở nhiều mặt. Một số nội dung chính gồm:

- Tiếp tục giải quyết những kỹ thuật cơ bản để trở thành thói quen - kỹ năng đúng: hơi thở, vị trí âm thanh, các kỹ thuật hát legato, staccato, passage.
- Phát triển mở rộng âm vực đạt gần tối đa có thể, âm thanh đong tiếng ở âm khu cao của giọng nam (nữ) phải đạt được những tiêu chí đúng và cần thiết.

- Áp dụng các kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với những yêu cầu phức tạp hơn, mở rộng hơn ở nhiều mặt; hình thành thẩm mỹ nghệ thuật.

- Tăng cường khả năng tự rèn luyện của sinh viên. Hướng dẫn, kiểm tra sinh viên tự tập luyện thanh và các bài tập, bài hát sau giờ học chính khóa.

64, Mã học phần: 847403, tên học phần: Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc, (số tín chỉ: 3)

Học phần là sự đúc kết, rút kinh nghiệm cũng như định hướng phát triển nền nghệ thuật thanh nhạc chuyên nghiệp thế giới và ở mỗi quốc gia. Học phần giúp người học có những kiến thức về chuyên ngành của mình. Học phần cung cấp những kiến thức về phong cách, những sáng tạo của nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc; những lý luận cơ bản về phương pháp tiếp cận – nghiên cứu nghệ thuật thanh nhạc ở phương diện lịch đại; những nội dung, hình thức chủ yếu của nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc; đặc biệt là vai trò của nghệ thuật thanh nhạc trong xã hội.

65, Mã học phần: 816079, tên học phần: Thực tế chuyên môn, (số tín chỉ: 2)

Thực tế nghề nghiệp đối với sinh viên thanh nhạc là hoạt động thực tế, tham gia hoặc thực tế khảo sát hoạt động chuyên môn, chương trình biểu diễn, hoạt động chuyên ngành. Sinh viên được tham gia khảo sát thực tế các hoạt động nghề nghiệp và làm bài thu hoạch với những nhận xét hoạt động biểu diễn chi tiết như sau:

- Nhận xét chương trình biểu diễn với hình thức hát đơn ca
- Nhận xét chương trình biểu diễn với hình thức hát song ca
- Nhận xét chương trình biểu diễn với hình thức hát tập ca
- Nhận xét chương trình biểu diễn với hình thức hát hợp xướng

66. Mã học phần: 847499, tên môn học: Khóa luận tốt nghiệp (số tín chỉ: 10)

Học phần là bài tập lớn nghiên cứu khoa học âm nhạc trên cơ sở những kiến thức đã được tích lũy trong quá trình học tập của chương trình đào tạo chuyên ngành Thanh nhạc. Khóa luận có yêu cầu là một nghiên cứu phát hiện, nội dung mới, phù hợp chuyên ngành đào tạo và có ý nghĩa khoa học cũng như thực tiễn. Sinh viên thực hiện Khóa luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên và được bảo vệ trước hội đồng khoa học chuyên ngành.

II.2.2 Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp

67, Mã học phần: 847410, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 7, (số tín chỉ: 3)

Học phần Thanh nhạc 7 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật của nghệ thuật Thanh nhạc Châu Âu, gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện những kỹ thuật và phát triển mở rộng âm vực của giọng.
- Phát triển mở rộng các tác phẩm theo năng lực biểu diễn nghệ thuật với sự đa dạng về phong cách
- Chọn lựa phong cách thể hiện, các tác phẩm thuộc các trường phái âm nhạc (kinh viện, thịnh hành...) khác nhau.

68, Mã học phần: 847411, tên học phần: Thanh nhạc chuyên ngành 8, (số tín chỉ: 3)

Trên cơ sở những kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc đã được rèn luyện trong 7 học phần trước, người học vận dụng vào các bài luyện thanh (vocalize), các bài hát ở các thể loại khác nhau - mức độ khác nhau. Mức độ khó được xác định: âm vực của giọng hát (độ lớn của âm vực), tiết tấu, giai điệu, sắc thái, tình cảm nghệ thuật trên tác phẩm.

Với các kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành – biểu diễn các tác phẩm âm nhạc như: aria, romance, tổ khúc, ca khúc, dân ca... ở các hình thức đơn ca, đủ để thể hiện trong một chương trình có thời lượng từ 35 - 40 phút, với số lượng bài là 8 bài hoàn thành một *chương trình cuối học phần, tốt nghiệp chuyên ngành Thanh Nhạc*. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành, người học hoàn thiện các tác phẩm thuộc chương trình để có đủ khả năng tốt nghiệp, với yêu cầu thể hiện sự hoàn thiện kỹ thuật thanh nhạc, thể hiện các tác phẩm một cách nhuần nhuyễn, chuyên nghiệp, đáp ứng đầu ra của chương trình đào tạo.

69, Mã học phần: 816440, tên học phần: Phương pháp sư phạm thanh nhạc, (số tín chỉ: 4)

Phương pháp sư phạm thanh nhạc cung cấp một cách hệ thống cơ sở lý luận về phương pháp dạy học thanh nhạc, phương pháp học hát trên cơ sở những kỹ thuật thanh nhạc thuộc các trường phái trên thế giới. Từ đó, người học vận dụng một cách phù hợp để hướng dẫn giải thích, thị phạm, đánh giá - nhận xét và tìm ra cách để giúp người học đạt được những kỹ thuật thanh nhạc ở mức độ cần thiết.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận - phương pháp dạy học thanh nhạc, bao gồm: hơi thở, khẩu hình, phân loại giọng, vị trí âm thanh, tiêu chuẩn âm thanh sau vị trí âm thanh, phương pháp biên soạn giáo án; phương pháp tiếp cận từng đối tượng sinh viên và cách giải quyết cho mỗi trường hợp, mỗi vấn đề nảy sinh từ người học trong quá trình thực hiện bài học; phương pháp đánh giá sinh viên trong quá trình giảng dạy và kiểm tra...

Hoàn thiện môn học là một bài viết kết thúc cùng hoạt động trình bày trước tập thể lớp một hoạt động mẫu thể hiện phương pháp sư phạm.

II.2.3 Các học phần tự chọn

70, Mã học phần: 816438, tên học phần: Thể loại âm nhạc, (số tín chỉ: 3)

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm chung nhất về loại hình và các loại hình tác phẩm âm nhạc, gắn liền với thực tế sản sinh ra nó và những đặc trưng của mỗi thể loại. Học phần giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung tác phẩm; để có những cảm xúc cũng như cảm nhận được hình tượng âm nhạc đối với mỗi tác phẩm. Từ đó, giúp cho sinh viên các chuyên ngành âm nhạc có thể dễ dàng hiểu được và thể hiện đúng tính chất, nội dung tác phẩm.

Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản như sau:

- Khái niệm
- Những thể loại thanh nhạc
- Những thể loại khí nhạc
- Những thể loại âm nhạc sân khấu
- Các thể loại âm nhạc “giải trí”

71, Mã học phần: 816437, tên học phần: Nhạc khí đại cương, (số tín chỉ: 3)

Học phần giới thiệu và hệ thống về nguồn gốc, sự hình thành phát triển của các loại nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng, các loại nhạc cụ dân tộc Việt Nam. Học phần giúp sinh viên (nghe - nhìn - phân tích) một số tác phẩm tiêu biểu về phong cách, tính năng, màu sắc âm thanh, cách phân chia các bộ, nhóm của các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng và nhạc cụ dân tộc Việt Nam nhằm bổ sung kiến thức về nhận biết nhạc cụ và sử dụng âm sắc chính xác hỗ trợ cho công tác tổ chức, dàn dựng chương trình nghệ thuật, biểu diễn, nghiên cứu... âm nhạc.

72, Mã học phần: 816404, tên học phần: Nhập môn sáng tác, (số tín chỉ: 3)

Trang bị những kiến thức cơ sở cho người học về công việc sáng tác ca khúc để có thể sử dụng - vận dụng trong thực hành nghề nghiệp. Nội dung chủ yếu gồm:

- Các hình thức của ca khúc;
- Các phương tiện biểu hiện của ngôn ngữ âm nhạc
- Quy luật tổ chức cấu trúc câu, đoạn và các thủ pháp phát triển câu nhạc;
- Những nguyên tắc chung trong Xây dựng và phát triển giai điệu âm nhạc
- Xây dựng cao trào trong giai điệu âm nhạc
- Đặc điểm giọng hát, ngôn ngữ trong ca khúc;
- Một số kỹ thuật phổ nhạc ca khúc
- Hướng dẫn thực hành viết ca khúc.

73, Mã học phần: 816443, tên học phần: Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (số tín chỉ: 3)

Nhằm giới thiệu phần chủ yếu trong kho tàng nghệ thuật truyền thống Việt Nam cho sinh viên các chuyên ngành Âm nhạc, học phần Nghệ thuật truyền thống Việt Nam tập trung nội dung bao gồm những loại hình nghệ thuật đã được sáng tạo, truyền bá trong lịch sử - truyền thống văn hóa dân tộc, những loại hình nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu diễn (chuyên nghiệp, cung đình, dân gian...) những loại hình nghệ thuật đã được phát sinh và phát triển trong truyền thống văn hóa của các dân tộc Việt Nam.

Giới thiệu những nội dung cơ bản về nghệ thuật truyền thống Việt Nam

Khái niệm và các vấn đề chung của nghệ thuật truyền thống

Nghệ thuật văn chương truyền thống Việt Nam

Nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt Nam

Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam

74, Mã học phần: 816444, Tên học phần Âm nhạc truyền thống Việt Nam, (số tín chỉ: 3)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các thể loại trong âm nhạc truyền thống Việt Nam, giúp cho người học có hiểu biết nền tảng về các thể loại âm nhạc truyền thống, nắm được những đặc trưng mang tính bản sắc của âm nhạc Việt Nam và có thể ứng dụng vào chuyên ngành, hát những bài dân ca Việt Nam...

Học phần Âm nhạc truyền thống Việt Nam được giới thiệu trong chương trình gồm:

- Đại cương (dẫn nhập) âm nhạc truyền thống Việt Nam
- Các thể loại nhạc hát dân gian (dân ca)
- Những thể loại âm nhạc trong những nghi lễ đời người của dân tộc Việt
- Các hình thức âm nhạc chuyên nghiệp trong dân gian
- Âm nhạc sân khấu truyền thống
- Âm nhạc cung đình
- Âm nhạc thính phòng
- Nhạc khí dân tộc...

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Thanh Tân

TRƯỞNG KHOA/ NGÀNH

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân